

UBND TỈNH QUẢNG TRỊ**Phụ lục 2**
*Biểu 2-1***KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KHCN&ĐMST**
GIAI ĐOẠN 2021 - 2025

STT	Nội dung	Đơn vị chủ trì, Tác giả	Tóm tắt nội dung	Ghi chú
I	Bài báo, công bố, giải pháp, kiến nghị, ấn phẩm khoa học	Số liệu của Trường Đại học Quảng Bình	Có 77 bài báo, công bố trên tạp chí khoa học quốc tế (SCI, SCIE/SSCI, Scopus...) và 104 bài viết đăng trên kỷ yếu các hội thảo khoa học quốc tế	<i>Ghi rõ các bài báo được đăng trên các tạp chí quốc tế trong danh mục ISI, Scopus</i>
II	Sáng chế, giải pháp hữu ích; Các loại giống mới; Các loại vắc xin mới, chế phẩm mới; Các bản vẽ thiết kế mới, mẫu máy, thiết bị mới			<i>Ngày, tháng, năm (nộp đơn, tiếp nhận đơn, công nhận của Cơ quan có thẩm quyền)</i>
1	Sáng chế “Phương pháp chống tốc mái cho công trình dân dụng lợp ngói hoặc tôn”	Nguyễn Ngọc Tình	Sáng chế đề cập đến phương pháp chống tốc mái cho công trình dân dụng lợp ngói hoặc tôn bằng cách sử dụng cửa mái thông gió chống bão nhằm cân bằng áp suất trong và ngoài công trình, giảm lực tác động lên mái công trình theo hướng từ trong ra ngoài công trình khi gió giật ở trong bão, nhờ đó chống tốc mái cho công trình	Bằng bảo hộ độc quyền sáng chế số 38370, cấp theo quyết định số 117814/QĐ-SHTT.íp ngày 14/12/2023 của Cục Sở hữu trí tuệ
2	Sáng chế “Phương pháp thi công móng bê - cọc theo tỷ lệ chịu lực cho trước giữa bê và cọc”	Nguyễn Ngọc Tình	Sáng chế đề xuất phương pháp xác định số lượng cọc dùng để thi công móng bê - cọc, phương pháp thi công móng bê - cọc này được ứng dụng	Bằng độc quyền sáng chế số 47374, cấp theo Quyết định số 80962/QĐ-SHTT ngày 20/5/2025 của Cục Sở hữu trí

			trong xây dựng công trình sao cho tỷ lệ chịu lực giữa bệ và cọc có thể được lựa chọn theo mong muốn	tuệ
III	Doanh nghiệp khoa học và công nghệ được hình thành			<i>Tên và loại hình doanh nghiệp; địa chỉ; giấy phép kinh doanh; số quyết định công nhận, nhân lực hiện có...</i>
1	Công ty TNHH Dược liệu hữu cơ An Xuân			- Quyết định công nhận doanh nghiệp KH&CN số 158/QĐ-SKHCN ngày 02/8/2021 của Sở KH&CN Quảng Trị (cũ). - Địa chỉ: 144 đường 2/4 thị trấn Cam Lộ, huyện Cam Lộ, tỉnh Quảng Trị (cũ). - Nhân lực hiện có: 50 người.
2	Công ty TNHH Puncoffee			- Quyết định công nhận doanh nghiệp KH&CN số 192/QĐ-SKHCN ngày 14/9/2022 của Sở KH&CN Quảng Trị (cũ). - Địa chỉ: Km27, đường Hồ Chí Minh nhánh Tây, thôn Xa Ry, xã Hướng Phùng, huyện Hướng Hóa, tỉnh Quảng Trị (cũ). - Nhân lực hiện có: 15 người.
3	Công ty TNHH Nhiên Thảo			- Quyết định công nhận doanh nghiệp KH&CN số 185/QĐ-SKHCN ngày 13/9/2022 của Sở KH&CN Quảng Trị (cũ). - Địa chỉ: 142 Võ Nguyên

				Giáp, Khu phố 7, TT. Gio Linh, huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị (cũ). - Nhân lực hiện có: 20 người.
4	Công ty TNHH Cao Dược Liệu Định Sơn Mai Thị Thủy			- Quyết định công nhận doanh nghiệp KH&CN số 318/QĐ-SKHCN ngày 19/10/2023 của Sở KH&CN Quảng Trị (cũ). - Địa chỉ: Định Sơn - Cam Nghĩa - Cam Lộ - Quảng Trị (cũ). - Nhân lực hiện có: 30 người.
5	Công ty CP Dược Liệu Trường Sơn			- Quyết định công nhận doanh nghiệp KH&CN số 315/QĐ-SKHCN ngày 19/10/2023 của Sở KH&CN Quảng Trị (cũ). - Địa chỉ: Cụm công nghiệp Cam Thành, thôn Tân Trang, xã Cam Thành, huyện Cam Lộ, tỉnh Quảng Trị (cũ). - Nhân lực hiện có: 15 người.
6	Công ty TNHH Phát triển Công nghệ QT-TECH			- Quyết định công nhận doanh nghiệp KH&CN số 214/QĐ-SKHCN ngày 5/5/2025 của Sở KH&CN Quảng Trị (cũ). - Địa chỉ: Gia độ, Triệu Độ, Triệu Phong, Quảng Trị - Cam Lộ - Quảng Trị (cũ). - Nhân lực hiện có: 17 người.
7	Công ty CP Dược liệu GOLD			- Quyết định công nhận doanh nghiệp

	HERBAL			nghiệp KH&CN số 215/QĐ-SKHCN ngày 5/5/2025 của Sở KH&CN Quảng Trị (cũ). - Địa chỉ: Cụm công nghiệp Quốc lộ 9D, phường 4, thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị (cũ). - Nhân lực hiện có: 25 người.
IV	Hoạt động ứng dụng đổi mới công nghệ điển hình			
1	Sản phẩm chủ lực, sản phẩm trọng điểm đang được hỗ trợ phát triển thông qua các nhiệm vụ KH&CN			Tên sản phẩm, nhiệm vụ KH&CN; tình hình thực hiện
1.1	Công ty Cổ phần Thanh Hương		Chuyển giao, ứng dụng thành công các tiến bộ kỹ thuật về giống lợn, hệ thống chuồng trại và quy trình kỹ thuật chăn nuôi lợn tiên tiến, theo phương thức công nghiệp vào sản xuất giống và nuôi lợn thương phẩm nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất, phát triển ngành chăn nuôi lợn, qua đó góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội vùng đất cát ven biển tỉnh Quảng Bình.	Tên nhiệm vụ: Xây dựng mô hình ứng dụng công nghệ tiên tiến chăn nuôi lợn theo phương thức công nghiệp trên vùng đất cát ven biển tỉnh Quảng Bình
1.2	Trung tâm Giống vật nuôi Quảng Bình		Ứng dụng công nghệ tạo bê lai từ sử dụng tinh giống bò nhập ngoại để nâng cao năng suất, chất lượng thịt; ứng dụng kỹ thuật nhân giống bằng thụ tinh nhân tạo, kỹ thuật chăn nuôi các giống bò lai hướng thịt chất	Tên nhiệm vụ: Xây dựng mô hình ứng dụng tinh giống bò nhập ngoại sản xuất bê lai hướng thịt có năng suất, chất lượng cao trên địa bàn tỉnh Quảng Bình

			lượng cao góp phần nâng cao tỷ lệ bò lai, từ đó góp phần giải quyết việc làm, nâng cao đời sống và thu nhập cho người dân, đẩy nhanh đề án tái cơ cấu ngành chăn nuôi theo hướng số lượng, chất lượng, giá trị qua đó thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, nhất là ở khu vực nông thôn và nông dân trên địa bàn tỉnh Quảng Bình.	
1.3	Công ty TNHH Hoàng Minh Nguyên		Ứng dụng khoa học và công nghệ xây dựng thành công mô hình sản xuất giống, trồng và sơ chế dược liệu cây Kim tiền thảo và cây Sâm báo nhằm phát triển vùng trồng dược liệu, góp phần chuyển đổi cơ cấu cây trồng, nâng cao hiệu quả kinh tế, đảm bảo thu nhập, ổn định đời sống của người dân vùng nông thôn Quảng Bình. Cụ thể: - Chuyển giao và tiếp nhận thành công 5 quy trình công nghệ: Quy trình kỹ thuật nhân giống cây Kim tiền thảo; Quy trình kỹ thuật trồng cây Kim tiền thảo; Quy trình kỹ thuật thu hoạch, sơ chế và bảo quản dược liệu Kim tiền thảo; Quy trình kỹ thuật trồng cây sâm Báo theo VietGAP; Quy trình kỹ thuật thu hoạch, sơ chế và bảo quản dược liệu Sâm báo.	Tên nhiệm vụ: Ứng dụng khoa học và công nghệ xây dựng mô hình sản xuất giống, trồng và sơ chế dược liệu Kim tiền thảo (<i>Desmodium styracifolium</i> (Osb) Merr) và Sâm báo (<i>Abelmoschus sagittifolius</i> (Kurz) Merr) trên vùng đất gò đồi tỉnh Quảng Bình

			- Triển khai xây dựng 05 mô hình: Xây dựng mô hình nhân giống cây Kim tiền thảo với quy mô 1.500m², 180.000 cây giống/dự án đạt tiêu chuẩn: chiều cao cây 10 - 15cm, có 5 - 7 lá; Mô hình vườn giống gốc cây Kim tiền thảo với quy mô 1.000m²; Mô hình trồng, chăm sóc, thu hoạch sơ chế cây Kim tiền thảo: quy mô 4ha, năng suất 5,0 tấn/ha, sản lượng 20 tấn dược liệu khô (đạt tiêu chuẩn Dược điển Việt Nam V); Mô hình vườn giống gốc cây sâm Báo với quy mô 6.000m², thu 80kg hạt giống (đạt tiêu chuẩn Dược điển Việt Nam V). Mô hình trồng, chăm sóc, thu hoạch sơ chế cây sâm Báo: quy mô 20ha, năng suất 1,5 tấn dược liệu khô/ha, sản lượng 30 tấn dược liệu khô (đạt tiêu chuẩn Dược điển Việt Nam V). - Đào tạo 10 cán bộ kỹ thuật về kỹ thuật nhân giống, trồng và thu hoạch sơ chế dược liệu Kim tiền thảo và sâm Báo. Tập huấn cho 200 lượt người dân về trồng trọt, thu hoạch dược liệu Kim tiền thảo và Sâm báo.	
--	--	--	---	--

1.4	Trường Đại học Kinh tế & QTKD Thái Nguyên	- Điều tra, đánh giá thực trạng sản xuất, chế biến và tiêu thụ sản phẩm cao Chè vằng, cao Cà gai leo và Cà phê tại huyện Hướng Hóa và Cam Lộ của tỉnh Quảng Trị. - Đánh giá, lựa chọn mô hình nhằm nâng cao chuỗi giá trị và nhân rộng mô hình sản phẩm cao Chè vằng, cao Cà gai leo và Cà phê. - Tổ chức tập huấn 02 lớp tập huấn tại huyện Cam Lộ, Hướng Hóa. Thực hiện các hoạt động quảng bá, xúc tiến thương mại nhằm nâng cao giá trị cho các sản phẩm. Đề xuất giải pháp nâng cao chuỗi giá trị và nhân rộng mô hình sản phẩm cao Chè vằng, cao Cà gai leo và Cà phê. - Tổ chức Hội thảo khoa học.	Liên kết phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị cho các sản phẩm Cao Chè vằng, Cao Cà gai leo và Cà phê tại tỉnh Quảng Trị. 24 tháng (01/2023- 12/2025), kinh phí 702.000.000 đồng.
1.5	Trung tâm Nghiên cứu Ứng dụng và Thông tin KH&CN Quảng Trị.	Ứng dụng công nghệ mới, tiên tiến xây dựng mô hình sản xuất hoa lan Nghinh xuân chất lượng cao có giá trị góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế tại địa phương. Cụ thể: - Xây dựng mô hình sản xuất hoa lan Nghinh xuân từ cây nuôi cấy mô và cây rừng tự nhiên ứng dụng công nghệ tiên tiến, gắn với du lịch sinh thái. Mô hình sản xuất hoa lan diện tích 500m² (tương ứng 10.000 cây gồm 7.000 cây Nghinh xuân rừng; 3.000 cây lan Nghinh xuân nuôi cấy mô). - Xây dựng quy trình kỹ thuật ra ngôi, chăm sóc cây con và sản xuất hoa lan Nghinh xuân (giai đoạn cây trưởng thành) trong nhà lưới phù hợp điều kiện	Xây dựng mô hình ứng dụng công nghệ cao sản xuất hoa lan Nghinh xuân trong nhà lưới tại khu vực Bắc Hướng Hóa. Kinh phí: 406 triệu đồng.

			khí hậu khu vực Bắc Hướng Hóa (Trạm Nghiên cứu, Ứng dụng và KH&CN Bắc Hướng Hóa - Cơ sở 2 tại thôn Hướng Phú – Hướng Phùng).	
1.6	Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật tỉnh Quảng Trị		Tuyển chọn được một số giống sắn mới kháng bệnh khảm lá virus, có năng suất và chất lượng cao, thích nghi với điều kiện sinh thái tỉnh Quảng Trị để bổ sung vào cơ cấu giống sắn của tỉnh; nhân rộng trong sản xuất đại trà, thay thế dần các giống sắn cũ thoái hóa, nhiễm bệnh khảm lá virus đang sản xuất hiện nay trên địa bàn tỉnh, góp phần ổn định vùng nguyên liệu cho các nhà máy sắn, nâng cao hiệu quả kinh tế cho người trồng sắn. Cụ thể - Khảo nghiệm tính chống chịu bệnh khảm lá sắn do virus, khả năng sinh trưởng, phát triển, năng suất, các yếu tố cấu thành năng suất và một số chỉ tiêu về chất lượng của 06 giống sắn mới (HN1, HN3, HN5, STB1, DT4, VN19-442) ở địa bàn Quảng Trị để tuyển chọn được 1-2 giống sắn mới có triển vọng, bổ sung vào cơ cấu giống sắn của tỉnh, từng bước nhân rộng trong sản xuất đại trà. - Xây dựng mô hình trình diễn và tổ chức công tác tuyên truyền trồng các giống sắn mới, triển vọng được	Khảo nghiệm tính chống chịu bệnh khảm lá do virus và khả năng sinh trưởng, phát triển của một số giống sắn mới có triển vọng trên địa bàn tỉnh Quảng Trị

			tuyển chọn (01 Hội thảo đầu bờ, bài biết trên các bản tin của ngành, báo Quảng Trị và các trang báo khác). - Ban hành Quy trình kỹ thuật trồng, chăm sóc, phòng trừ sâu bệnh trên các giống sản đã được tuyển chọn.	
1.7	Hợp tác xã Nông nghiệp số		- Khảo sát, thu thập dữ liệu thực trạng hoạt động quản lý truy xuất nguồn gốc và phát triển chuỗi giá trị cây cà phê và cây tiêu Quảng Trị. - Tổng hợp, phân tích, đánh giá các kết quả điều tra và hoàn thiện báo cáo nghiên cứu hiện trạng phát triển chuỗi giá trị sản phẩm của cây cà phê, cây tiêu tại Quảng Trị và giá trị thành phẩm của các sản phẩm từ cà phê và tiêu Quảng Trị trên thị trường. - Xây dựng hệ thống dựa trên giải pháp blockchain: - Thiết kế và hoàn thiện các ứng dụng dành cho các nhóm người sử dụng trong chuỗi giá trị và quản lý chỉ dẫn địa lý sản phẩm “hạt tiêu và hạt cà phê Quảng Trị”. Xây dựng quy trình xác thực thông tin từ các nguồn trong chuỗi sản xuất và cung ứng: Cơ sở cung ứng cây trồng, người sản xuất, thu hái, chế biến thành phẩm, đơn vị kiểm định chất lượng,... nhằm cung cấp thông tin chính xác đến các bên liên quan.	Nghiên cứu và ứng dụng công nghệ blockchain vào việc truy xuất nguồn gốc nhằm quản lý chuỗi cung ứng và nâng cao giá trị sản phẩm hạt tiêu và hạt cà phê tại tỉnh Quảng Trị

			- Xây dựng quy chế sử dụng giải pháp xác thực thông tin trong truy xuất nguồn gốc sản phẩm và quản lý chuỗi giá trị sản phẩm hạt tiêu và hạt cà phê. - Xây dựng tài liệu hướng dẫn vận hành hệ thống cho các bên liên quan. - Cải đặt, chuyển giao giải pháp công nghệ và đào tạo cho 02 CSSX và các cơ quan quản lý nhà nước. - Đào tạo cán bộ cơ quan quản lý nhà nước, các CSSX cách sử dụng các hệ thống công nghệ. - Theo dõi vận hành và hỗ trợ kỹ thuật việc triển khai thí điểm mô hình công nghệ cho địa phương và các CSSX.	
1.8	Trường Đại học Nông Lâm, Đại học Huế		1. Nghiên cứu, đánh giá hiện trạng và đặc điểm sinh học của loài Trầu tại tỉnh Quảng Trị 2. Nghiên cứu, đánh giá tỷ lệ dầu, thành phần và hàm lượng các chất chính trong dầu của hạt cây trội được lựa chọn làm cơ sở chọn lọc cây ưu việt. 3. Nghiên cứu, điều tra đánh giá tổng hợp kỹ thuật tạo giống loài cây Trầu 4. Nghiên cứu xây dựng vườn giống kết hợp sưu tập nguồn gen từ hạt của cây trội loài Trầu tại tỉnh Quảng Trị 5. Nghiên cứu, điều tra đánh giá tổng hợp kỹ thuật trồng rừng loài cây Trầu ở Quảng Trị.	Đề tài: Chọn tạo giống và khai thác phát triển nguồn gen cây Trầu (<i>Vernicia Montana Lourr</i>) ở tỉnh Quảng Trị
1.9	Trường ĐH Khoa học Tự nhiên, Đại học Quốc gia Hà Nội		Nghiên cứu quy trình công nghệ sấy tiên tiến để tạo ra sản phẩm hồ tiêu xanh và hồ tiêu đỏ bằng phương pháp sấy	Nghiên cứu quy trình công nghệ sấy tiên tiến để tạo ra sản phẩm hồ tiêu xanh và hồ tiêu đỏ bằng

			lạnh kết hợp với bức xạ hồng ngoại tại Quảng Trị, từ đó góp phần nâng cao chất lượng, giá trị sản phẩm hồ tiêu và thúc đẩy sự phát triển bền vững của ngành sản xuất hồ tiêu tại Quảng Trị. Cụ thể - Xác định thời điểm thu hoạch quả hồ tiêu thích hợp cho quá trình sấy hồ tiêu xanh và hồ tiêu đỏ. - Xác định các thông số công nghệ (nhiệt độ và phương thức chần hồ tiêu, nhiệt độ sấy, vận tốc gió, khoảng cách từ bóng đèn phát tia hồng ngoại đến bề mặt nguyên liệu sấy, chiều dày lớp nguyên liệu) và từ đó xây dựng hai quy trình công nghệ sấy hồ tiêu xanh, hồ tiêu đỏ bằng phương pháp sấy lạnh kết hợp với bức xạ hồng ngoại. - Phân tích đánh giá các chỉ tiêu dinh dưỡng, chỉ tiêu vi sinh, chỉ tiêu cảm quan của các sản phẩm hồ tiêu xanh và hồ tiêu đỏ bằng phương pháp sấy lạnh kết hợp với bức xạ hồng ngoại. - Thiết kế mẫu mã bao bì cho các sản phẩm hồ tiêu xanh và hồ tiêu đỏ của tỉnh Quảng Trị khi được làm khô bằng phương pháp sấy lạnh kết hợp với bức xạ hồng ngoại. - Xây dựng mô hình thử nghiệm sấy hồ tiêu xanh và hồ tiêu đỏ bằng phương pháp sấy lạnh kết hợp với bức xạ hồng ngoại tại Hợp tác xã Sản xuất và Kinh doanh Hồ tiêu Vĩnh Linh, số 01 Huyện	phương pháp sấy lạnh kết hợp với bức xạ hồng ngoại tại tỉnh Quảng Trị.
--	--	--	---	---

			Trần Công Chúa, khóm Thành Công, thị trấn Hồ Xá, huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị. - Xây dựng tiêu chuẩn cơ sở cho sản phẩm hồ tiêu xanh và hồ tiêu đỏ sấy bằng phương pháp sấy lạnh kết hợp với và bức xạ hồng ngoại).	
2	Đổi mới công nghệ, ứng dụng công nghệ vào sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp			Ghi rõ kết quả, hiệu quả thực hiện, kèm theo tên nhiệm vụ KH&CN; kinh phí thực hiện (chia rõ nguồn vốn từ ngân sách trung ương; từ bộ, ngành, địa phương; doanh nghiệp, Quỹ PTKHCN của doanh nghiệp và các nguồn khác).
2.1	Dự án Đầu tư “hệ thống lò than khí hóa 1.5” và “dây chuyền đóng gói gạch tuynel bán tự động”	Công ty CP Gốm sứ và Xây dựng Cosevco	Các thiết bị sau khi đưa vào sản xuất, hoạt động ổn định, đạt các thông số kỹ thuật yêu cầu, khắc phục được các hạn chế trước đây. Việc đầu tư đổi mới và mua sắm thiết bị này đã giúp Công ty nâng cao năng suất, chất lượng và giá trị sản phẩm, giảm chi phí đầu tư sản xuất sản phẩm từ đó gia tăng lợi nhuận do doanh nghiệp.	- Kinh phí mua thiết bị: 8.440.000.000 đồng, nguồn vốn của doanh nghiệp; - Kinh phí vận hành chạy thử thiết bị: 1.681.567.682 đồng, trong đó kinh phí hỗ trợ từ nguồn sự nghiệp KH&CN: 420.000.000 đồng
2.2	Dự án “Đầu tư thiết bị công nghệ, sản xuất sản phẩm gỗ ván”	Công ty TNHH Đầu tư Phú Ninh	Dự án đầu tư hệ thống thiết bị, công nghệ sản xuất sản phẩm gỗ ván từ gỗ rừng trồng để làm nguyên liệu sản xuất các loại ván ép như: ván ép, ván	Tổng kinh phí đầu tư mua thiết bị, công nghệ, sản xuất thử nghiệm sản phẩm: 5.656.831.000 đồng. Trong đó

			ép phủ phim, ván ép chà dán...đáp ứng nhu cầu hiện nay của thị trường và nâng cao giá trị gia tăng của nguyên liệu gỗ rừng trồng. Kết quả: Dây chuyền sản xuất khép kín có tính tự động hoá cao, hệ thống thiết bị hoạt động ổn định, đạt các thông số kỹ thuật yêu cầu và sản phẩm sản xuất ra có chất lượng sản phẩm đồng đều, tỷ lệ sai hỏng ít	kinh phí hỗ trợ từ nguồn sự nghiệp KH&CN về chuyển giao công nghệ và sản xuất thử nghiệm sản phẩm: 281.945.000 đồng
2.3	Dự án “đầu tư đổi mới công nghệ, thiết bị để sản xuất các sản phẩm ngói không nung cao cấp với công nghệ ép khô”	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Green Home	Dự án đầu tư thiết bị, công nghệ để sản xuất các sản phẩm ngói không nung cao cấp với công nghệ ép khô thay thế cho công nghệ ép ướt đã sử dụng trước đó. Kết quả: hệ thống thiết bị đầu tư vận hành ổn định, các sản phẩm được sản xuất ra đạt chất lượng cao, đảm bảo theo Tiêu chuẩn TCVN 1453:1986, sản phẩm ngói có độ bền cơ học cao, tỷ lệ nứt vỡ khi vận chuyển và thi công rất thấp, khối lượng nhẹ hơn 40% so với các mẫu ngói truyền thống, các sản phẩm ngói với công nghệ sơn phủ Nano và lớp bảo vệ Clear cao cấp đảm bảo ngói có độ bền màu cao, không bị rêu mốc và thấm dột	Tổng kinh phí đầu tư mua thiết bị, công nghệ, sản xuất thử nghiệm sản phẩm: 5.879.192.000 đồng. Trong đó kinh phí hỗ trợ từ nguồn sự nghiệp KH&CN về chuyển giao công nghệ và sản xuất thử nghiệm sản phẩm: 189.365.000 đồng
2.4	Dự án “Đầu tư mua sắm thiết bị, công nghệ sản xuất các đồ dùng gia dụng từ nhôm và inox”	Công ty TNHH Đầu tư phát triển Hoàng Minh Hưng	Dự án đầu tư hệ thống máy móc thiết bị để nâng cao năng suất, chất lượng sản xuất các sản phẩm đồ	Tổng kinh phí đầu tư mua thiết bị, công nghệ, sản xuất thử nghiệm sản phẩm:

			dùng gia dụng từ nguyên liệu nhôm và inox, cung cấp cho thị trường trong và ngoài tỉnh.	1.027.524.255 đồng. Trong đó kinh phí hỗ trợ từ nguồn sự nghiệp KH&CN về chuyển giao công nghệ và sản xuất thử nghiệm sản phẩm: 149.752.468 đồng.
2.5	Dự án “Đầu tư xưởng sản xuất và sản xuất thử các sản phẩm nội thất từ gỗ công nghiệp”	Xưởng Nội thất Thu Ý	Dự án đầu tư xưởng nội thất từ gỗ công nghiệp sử dụng các máy móc, thiết bị hiện đại để tạo ra các sản phẩm chất lượng cao, giá thành hợp lý để cung cấp cho thị trường trong và ngoài tỉnh.	Tổng kinh phí đầu tư mua thiết bị, máy móc, sản xuất thử nghiệm sản phẩm: 788.423.278 đồng. Trong đó kinh phí hỗ trợ từ nguồn sự nghiệp KH&CN về sản xuất thử nghiệm sản phẩm: 46.028.000 đồng.
2.6	Dự án “Chuyển giao công nghệ sơn ta và sản xuất thử sản phẩm”	Hợp tác xã Sản xuất kinh doanh thương mại dừa gỗ Quảng Thủy	Dự án đầu tư chuyển giao công nghệ sơn ta và sản xuất thử các sản phẩm đồ dùng nhà bếp để nâng cao chất lượng sản phẩm, phục vụ thị trường trong nước và xuất khẩu.	Tổng kinh phí đầu tư mua thiết bị, máy móc, sản xuất thử nghiệm sản phẩm: 3.338.640.000 đồng. Trong đó kinh phí hỗ trợ từ nguồn sự nghiệp KH&CN về sản xuất thử nghiệm sản phẩm: 182.012.000 đồng.
2.7	Dự án “Nhà máy sản xuất viên nén gỗ”	Công ty Cổ phần Dũng Nguyệt Anh Quảng Bình	Dự án đầu tư xây dựng nhà xưởng, mua sắm máy móc, thiết bị để sản xuất sản xuất viên nén gỗ với công suất 70.000 tấn sản phẩm/năm.	Tổng kinh phí đầu tư xây dựng nhà xưởng, mua thiết bị, máy móc, sản xuất thử nghiệm sản phẩm: 147.550.583.000 đồng. Trong đó kinh phí hỗ trợ từ nguồn sự nghiệp KH&CN về sản xuất thử nghiệm sản phẩm: 383.572.000 đồng.
	Dự án “Ứng dụng đổi mới công	Hợp tác xã Thiên	Nghiên cứu thiết kế, lắp đặt hệ thống	Tổng kinh phí thực hiện dự án:

2.8	nghệ trong bảo quản sản phẩm thủy hải sản”.	Lộc Phát	kho bảo quản lạnh	7.000.000.000 đồng Trong đó: Kinh phí nhà nước cấp tỉnh hỗ trợ: 150.000.000 đồng
2.9	Dự án “Ứng dụng khoa học kỹ thuật sản xuất nấm sò, nấm rơm”.	Hộ Kinh doanh Lê Thị Nhân	Đầu tư xây dựng nhà trồng nấm ăn, mua giống nấm.	Tổng kinh phí thực hiện: 96.000.000 đồng Trong đó: Kinh phí nhà nước cấp tỉnh hỗ trợ: 28.000.000 đồng
2.10	Dự án “Ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ sản xuất và thương mại các sản phẩm Đông trùng hạ thảo”.	Công ty TNHH Phát triển Công nghệ QT-TECH	lắp đặt hệ thống máy móc, thiết bị khoa học, thuê chuyên gia tập huấn, chuyển giao quy trình công nghệ	Tổng kinh phí thực hiện: 275.746.000 đồng Trong đó: Kinh phí nhà nước cấp tỉnh hỗ trợ: 80.000.000 đồng
2.11	Dự án “Ứng dụng công nghệ máy bay không người lái trong việc sản xuất gạo hữu cơ tại tỉnh Quảng Trị”.	Công ty cổ phần Tổng công ty Thương mại Quảng Trị	Mua máy cuộn rơm, máy bay không người lái phục vụ canh tác	Tổng kinh phí thực hiện: 1.255.100.000 đồng Trong đó: Kinh phí nhà nước cấp tỉnh hỗ trợ: 200.000.000 đồng
2.12	Dự án “Đầu tư Hệ thống dây chuyền sản xuất Carton sóng 7 lớp”	Công ty Cổ phần bao bì Carton Quảng Trị	Đầu tư máy móc thiết bị	Tổng kinh phí đầu tư thiết bị: 14.410.000.000 đồng Trong đó: Kinh phí nhà nước cấp tỉnh hỗ trợ: 200.000.000 đồng
2.13	Dự án “Đầu tư đổi mới dây chuyền xay xát lúa gạo đạt tiêu chuẩn hữu cơ”	Công ty cổ phần Tổng công ty Thương mại Quảng Trị	Đầu tư máy móc thiết bị	Tổng kinh phí đầu tư thiết bị: 4.799.623.000 đồng Trong đó: Kinh phí nhà nước cấp tỉnh hỗ trợ: 200.000.000 đồng
	Dự án “Ứng dụng KHCN nuôi dúi	Hộ Mai Văn Đại	Xây dựng nhà nuôi dúi, mua giống	Tổng kinh phí thực hiện:

2.14	sinh sản và dúi thương phẩm”		dúi	231.400.000 đồng Trong đó: Kinh phí nhà nước cấp tỉnh hỗ trợ: 25.000.000 đồng
2.15	Dự án “Đầu tư hệ thống máy móc thiết bị sản xuất ly giấy cao cấp thân thiện môi trường”	Doanh nghiệp tư nhân Thiên Đức.	Đầu tư máy móc thiết bị	Tổng kinh phí thực hiện: 645.000.000 đồng Trong đó: Kinh phí nhà nước cấp tỉnh hỗ trợ: 120.000.000 đồng
2.16	Dự án “Ứng dụng, đổi mới công nghệ kết hợp phương pháp chưng cất rượu hiện đại để phát triển làng rượu truyền thống Kim Long”	Công ty TNHH xuất nhập khẩu và sản xuất rượu Vena		Tổng kinh phí thực hiện: 78.673.000 đồng Trong đó: Kinh phí nhà nước cấp tỉnh hỗ trợ: 20.000.000 đồng
2.17	Dự án “Đầu tư máy xẻ gỗ tròn công suất cao và máy chuốt gỗ thanh thành chi tiết nan bo cạnh trong sản xuất, chế biến gỗ”	Công ty TNHH Nam Việt.	Đầu tư máy móc thiết bị	Tổng kinh phí thực hiện: 850.000.000 đồng Trong đó: Kinh phí nhà nước cấp tỉnh hỗ trợ: 180.000.000 đồng
2.18	Dự án “Đầu tư máy móc thiết bị, áp dụng công nghệ tiên tiến, cải tiến năng suất trong sản xuất ống bê tông cốt thép thoát nước”	Công ty Cổ phần Thiên Tân	Đầu tư máy móc thiết bị: máy hàn cốt thép tự động, máy rung ép.	Tổng kinh phí đầu tư thiết bị, công nghệ: 8.500.029.500 Trong đó: Kinh phí nhà nước cấp tỉnh hỗ trợ: 400.000.000 đồng
2.19	Dự án “Đầu tư thiết bị bay không người lái (UAV) phục vụ trong sản xuất nông nghiệp bền vững”.	HTX dịch vụ Nông nghiệp Sa Trung	Mua máy bay, pin và phụ kiện	Tổng kinh phí thực hiện: 319.000.000 đồng Trong đó: Kinh phí nhà nước cấp tỉnh hỗ trợ: 116.000.000 đồng
	Dự án “Đầu tư thiết bị bay không	Hợp tác xã sản	Mua máy bay, pin và phụ kiện	Tổng kinh phí thực hiện:

2.20	người lái (UAV) phục vụ trong sản xuất nông nghiệp”.	xuất, kinh doanh, dịch vụ và xây dựng nông nghiệp Thủy Ba Đông		317.502.000 đồng Trong đó: Kinh phí nhà nước cấp tỉnh hỗ trợ: 95.000.000 đồng
2.21	Dự án “Ứng dụng các tiến bộ khoa học và công nghệ nhân rộng mô hình chăn nuôi vịt trời và mô hình chăn nuôi gà ri lai trên địa bàn xã Triệu Thượng”.	Hộ chăn nuôi Lê Thị Hồng Diệp	Xây dựng trang trại, mua giống, thuốc thú y	Tổng kinh phí thực hiện: 301.200.000 đồng Trong đó: Kinh phí nhà nước cấp tỉnh hỗ trợ: 65.000.000 đồng
2.22	Dự án “Ứng dụng khoa học công nghệ nhân rộng mô hình trồng hoa thương phẩm trong nhà kính”	Hộ ông Hồ Xuân Đức	Lắp đặt nhà kính, mua vật tư, giống hoa.	Tổng kinh phí thực hiện: 252.000.000 đồng Trong đó: Kinh phí nhà nước cấp tỉnh hỗ trợ: 95.000.000 đồng
2.23	Dự án “Ứng dụng công nghệ sấy tiên tiến để tiết kiệm điện năng, giảm phát thải, nâng cao chất lượng nông sản và sơ chế dược liệu”.	Cty CP Dược liệu Gold Herbal	Mua máy sấy, máy cắt, máy nghiền dược liệu	Tổng kinh phí thực hiện: 1.840.000.000 đồng Trong đó: Kinh phí nhà nước cấp tỉnh hỗ trợ: 495.000.000 đồng
2.24	Dự án “Đầu tư lắp đặt thiết bị và hệ thống phòng sạch đạt chuẩn GMP (Good Manufacturing Practice) kết hợp ứng dụng công nghệ chiết xuất, cô đặc tuần hoàn chân không cho nhà máy chế biến dược liệu chất lượng cao tại Quảng	Cty CP Dược liệu Gold Herbal	Xây dựng lắp đặt thiết bị phòng sạch, đạt chứng nhận GMP	Tổng kinh phí thực hiện: 7.130.000.000 đồng Trong đó: Kinh phí nhà nước cấp tỉnh hỗ trợ: 1.500.000.000 đồng

	Trị”.			
2.25	Dự án “Xây dựng mô hình nuôi ốc bươu đen ứng dụng công nghệ lọc tuần hoàn khép kín”	Hộ Võ Thị Trang	Xây dựng ao nuôi ốc có mái che, hệ thống xử lý nước nuôi ốc	Tổng kinh phí thực hiện: 260.000.000 đồng Trong đó: Kinh phí nhà nước cấp tỉnh hỗ trợ: 100.000.000 đồng
2.26	06 mô hình đầu tư máy bay không người lái phục vụ sản xuất nông nghiệp	Các HTX sản xuất nông nghiệp, hộ kinh doanh tại huyện Vĩnh Linh và Triệu Phong	Mua máy bay, pin và phụ kiện	Tổng kinh phí thực hiện: 1.752.000.000 đồng Trong đó: Kinh phí nhà nước cấp tỉnh hỗ trợ: 670.000.000 đồng
3	Dự án duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa cơ sở vật chất – kỹ thuật và trang thiết bị phục vụ hoạt động KH&CN			Đánh giá tình hình thực hiện, số kinh phí và nguồn (trong đó ghi rõ nguồn vốn từ ngân sách trung ương; của bộ, ngành, địa phương; từ doanh nghiệp, tập đoàn, tổng công ty, Quỹ PTKHCN của doanh nghiệp và các nguồn khác).
3.1	Dự án SXTN: Viên hoàn nhỏ giọt từ chiết xuất Xuyên tâm liên (<i>Andrographis paniculata</i>) và andrographolid.	Dược sỹ. Phan Văn Ngọc	- Dự án đã xây dựng được 02 TCCS như mục tiêu đề ra. TCCS viên hoàn nhỏ giọt chứa andrographolid có các chỉ tiêu chất lượng chính tương đương với chuyên luận “andrographolid dripping pills” trong CP 2015 và TCCS viên hoàn nhỏ giọt chứa chiết xuất Xuyên tâm liên có các chỉ tiêu chất lượng tham khảo từ CP 2015 và ĐĐVN V. là công nghệ hiện đại hiện nay. - Công nghệ sử dụng để sản xuất viên hoàn nhỏ giọt chứa chiết xuất Xuyên	Tổng kinh phí thực hiện là 3.069 triệu đồng. Trong đó, kinh phí từ Ngân sách nhà nước: 756 triệu đồng

			tâm liên (<i>Andrographis paniculata</i>) và andrographolid là công nghệ hiện đại hiện nay.	
3.2	Xây dựng mô hình nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao sản xuất hoa lan Hồ điệp, hoa Lily tại Quảng Trị.	Trung tâm Nghiên cứu, Ứng dụng và Thông tin Khoa học và Công nghệ Quảng Trị. KS. Nguyễn Hương.	07 quy trình đều được chuyển giao và tiếp nhận. Chuyển giao và tiếp nhận các quy trình công nghệ. Xây dựng các các mô hình: Mô hình sản xuất cây giống lan hồ điệp Nuôi cấy mô, mô hình sản xuất hoa lan Hồ điệp trong nhà lưới hiện đại, mô hình sản xuất hoa Lily trong nhà lưới cấp 2.	36 tháng (9/2018 - 9/2021). Tổng kinh phí thực hiện là 3.500 triệu đồng. Trong đó, kinh phí từ Ngân sách nhà nước: 1,800 triệu đồng.
3,3	Ứng công nghệ sản xuất thực phẩm bảo vệ sức khỏe hỗ trợ gan từ An Xoa (<i>Helicteres</i> sp), cà gai leo, xạ đen, nấm linh chi”.	Viện Hàn lâm KH&CN Việt Nam.Chủ nhiệm: Chu Quang Truyền.	Hoàn thiện quy trình công nghệ tạo sản phẩm bảo vệ gan từ cây an xoa kết hợp với cà gai leo, nấm linh chi, xạ đen đáp ứng nhu cầu sử dụng các sản phẩm từ thiên nhiên theo chuỗi sản phẩm hàng hóa. (Hoàn thiện công nghệ chiết suất cao tổng từ các loại dược liệu An xoa, cà gai leo, xạ đen, nấm linh chi ở quy mô công nghiệp. Sản xuất 5.000 hộp/30 túi/5g túi bột hòa tan từ An xoa, cà gai leo, nấm linh chi, xạ đen).	Nguồn SNKH: 770.000.000 đồng, Nguồn khác: 5.166.086.000 đồng.
3.4	Nghiên cứu xây dựng quy trình công nghệ khai thác và chế biến dầu trầu (<i>Vernicia montana</i> Lour., 1970) phục vụ chế biến và xuất khẩu tại Quảng Trị.	Viện Nghiên cứu và Phát triển Vùng. Chủ nhiệm: ThS. Đào Thùy Dương	Xây dựng được mô hình nhà máy sản xuất áp dụng quy trình công nghệ ép dầu trầu bằng phương pháp trục vít và sử dụng enzyme để xử lý nguyên liệu đạt hiệu quả kinh tế cao, tạo ra sản phẩm dầu trầu đảm bảo chất lượng xuất khẩu, nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất và chuỗi giá trị sản phẩm từ cây trầu; góp phần xóa đói giảm nghèo, phát triển kinh tế - xã hội và bảo vệ môi trường	2.040,4 triệu đồng. Từ ngân sách nhà nước 1.600,0. Từ nguồn ngoài ngân sách nhà nước 440,4.

			sinh thái bền vững vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Cụ thể: - Đánh giá được hiện trạng khai thác và chế biến Trầu hiện nay trên địa bàn tỉnh Quảng Trị - Tiến hành các thí nghiệm ép dầu trầu với các thiết bị có công suất 12-20 kg/giờ và công suất 100kg/giờ, nhằm xây dựng được quy trình công nghệ ép dầu trầu có hiệu suất cao - Xây dựng 01 mô hình chế biến dầu trầu (quy mô: 3-4 tấn nguyên liệu/ngày) trên địa bàn tỉnh có hiệu suất thu hồi dầu 32-35% (tương đương tỷ lệ ép kiệt từ 80 - 85%) và hỗ trợ 2 doanh nghiệp ứng dụng thành thạo quy trình chế biến dầu trầu.	
3.5	Ứng dụng khoa học công nghệ sản xuất cà gai leo nguyên liệu theo tiêu chuẩn GACP tại xã Hướng Phùng”.	Tên tổ chức đang công tác: Trung tâm Nghiên cứu, Chuyển giao Công nghệ và Đổi mới sáng tạo. Chủ nhiệm: Lê Mậu Bình	- Đơn vị chủ trì đã phối hợp với UBND xã Hướng Phùng tiến hành khảo sát và chọn được 12 hộ tham gia để xây dựng 12 mô hình trồng cà gai leo tại 03 thôn Đại Độ, Cheng, Bụt Việt với tổng diện tích 05 ha. - Nhóm thực hiện dự án đã tiến hành lấy mẫu đất, nước tại 3 thôn (Đại độ, Bụt Việt, Cheng) và gửi đi phân tích. Kết quả chất lượng đất và nước của cả 3 thôn Đại độ, Bụt Việt, Cheng đều đáp ứng yêu cầu trồng cà gai leo nguyên liệu theo tiêu chuẩn GACP. - Đơn vị chủ trì đã hợp đồng với vườn ươm cây giống, có 250.000 cây giống cà gai leo đạt tiêu chuẩn xuất vườn (cây	Tổng kinh phí thực hiện: 1.305 triệu đồng. Nguồn SNKH: 620 triệu đồng.

			cao 10-15 cm, có 4-6 lá thật, thân khỏe, cây không bị sâu bệnh) để cấp cho các hộ dân thực hiện dự án tại xã Hướng Phùng. - Biên soạn tài liệu, tổ chức 01 lớp tập huấn “Kỹ thuật trồng, chăm sóc, thu hái Cà gai leo theo tiêu chuẩn GACP” - Hướng dẫn cày đất, lên luống, lấp đặt hệ thống tưới tại 12 hộ dân thực hiện dự án thuộc xã Hướng Phùng, quy mô 05 ha và triển khai xây dựng được 12 mô hình trồng 250.000 cây cà gai leo với mật độ và khoảng cách theo quy trình kỹ thuật. - Theo dõi, đánh giá khả năng sinh trưởng, phát triển, năng suất, chất lượng của cây cà gai leo. - Cà gai leo sau khi thu hoạch tại 3 thôn Đại Độ, Bụt Việt, Cheng được sấy khô và gửi đi phân tích các chỉ tiêu. Kết quả đều đáp ứng chất lượng dược liệu theo tiêu chuẩn GACP. - Hoàn thiện được quy trình kỹ thuật sản xuất cây giống; kỹ thuật trồng, chăm sóc, thu hoạch cà gai leo theo tiêu chuẩn GACP phù hợp với vùng triển khai dự án.	
3.6	Nghiên cứu quy trình sản xuất bột chè xanh hòa tan hương vị gừng sử dụng công nghệ chiết xuất và sấy chân không.	Trung tâm Nghiên cứu, Chuyển giao công nghệ và Đổi mới sáng tạo	Bộ tiêu chuẩn nguyên liệu đầu vào và quy trình sơ chế diệt men nguyên liệu Quy trình sản xuất sản phẩm cao khô hòa tan Trà xanh Quy trình chiết xuất chân không chè xanh	Tổng kinh phí thực hiện: 3.660,690 triệu đồng. Trong đó, kinh phí từ ngân sách SNKH: 568 triệu đồng. Kinh phí từ nguồn khác: 3.092,690 triệu đồng.

			Quy trình sấy chân không chè xanh Quy trình nghiền, phối trộn, đóng gói bảo quản sản phẩm Đề tài đã góp phần hoàn thiện quy trình sản xuất trà xanh hòa tan, giúp nâng cao giá trị gia tăng cho nguyên liệu chè xanh. - Việc xây dựng bộ tiêu chuẩn nguyên liệu đầu vào giúp kiểm soát chất lượng từ giai đoạn đầu, giảm hao hụt trong quá trình chế biến và tăng năng suất sản xuất. - Ứng dụng công nghệ chiết xuất – cô đặc tuần hoàn chân không và sấy chân không giúp tối ưu hóa chi phí sản xuất, tiết kiệm năng lượng so với các phương pháp truyền thống. Sản phẩm cao khô hoà tan chè xanh có tiềm năng mở rộng thị trường, gia tăng doanh thu cho các cơ sở sản xuất và hộ kinh doanh. Việc nghiên cứu và hoàn thiện quy trình sản xuất giúp tạo ra sản phẩm có chất lượng ổn định, nâng cao niềm tin của người tiêu dùng đối với sản phẩm từ cây chè xanh. - Đề tài góp phần tạo thêm việc làm cho lao động địa phương trong các khâu thu hái, sơ chế, sản xuất và phân phối sản phẩm. - Hỗ trợ các cơ sở sản xuất và doanh nghiệp nhỏ tiếp cận công nghệ chế biến tiên tiến, từ đó nâng cao năng lực cạnh tranh trên thị trường.	
--	--	--	---	--

			- Góp phần bảo tồn và phát triển cây Chè xanh góp phần tạo ra một hướng đi mới cho sản phẩm chè xanh so với các sản phẩm truyền thống.	
3.7	Ứng dụng công nghệ sản xuất thực phẩm bảo vệ sức khỏe cà gai leo – linh chi hòa tan.	Công ty CP dược liệu Gold Herbal	Ứng dụng công nghệ tiên tiến vào sản xuất thực phẩm bảo vệ sức khỏe Cà gai leo - Linh chi hòa tan; từ đó ra dòng sản phẩm mới, nâng cao khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp trên thị trường. Góp phần tạo ra công ăn việc làm cho một bộ phận người dân trên địa bàn, thúc đẩy chuyển đổi cơ cấu cây trồng, đóng góp vào quá trình xây dựng nông thôn mới. Cụ thể: - Liên kết, sử dụng nguyên liệu từ vùng trồng cà gai leo tại xã Hướng Phùng, Huyện Hướng Hóa. - Tiếp nhận, hoàn thiện quy trình sản xuất sản phẩm Cà gai leo – Linh chi hòa tan được chuyển giao bởi Trung tâm Nghiên cứu, Chuyển giao công nghệ và Đổi mới sáng tạo. - Xây dựng cơ sở sản xuất đảm bảo đạt chuẩn GMP. - Sản xuất 12.000 hộp (30 gói/hộp) thực phẩm bảo vệ sức khỏe Cà gai leo – Linh chi hòa tan đảm bảo đạt chất lượng, an toàn theo tiêu chuẩn cơ sở đã công bố.	Tổng kinh phí: 6.063.845.600 đồng (Bằng chữ: Sáu tỷ, không trăm, sáu mươi ba triệu, tám trăm bốn mươi lăm nghìn, sáu trăm đồng), trong đó: - Kinh phí từ ngân sách SNKH tỉnh: 770.000.000 đồng (Bằng chữ: Bảy trăm, bảy mươi triệu đồng chẵn). - Kinh phí từ nguồn khác: 5.293.845.600 đồng (Bằng chữ: Năm tỷ, hai trăm, chín mươi ba triệu, tám trăm bốn mươi lăm nghìn, sáu trăm đồng)
3.8	Nghiên cứu, hoàn thiện quy trình sản xuất thực phẩm bảo vệ sức khỏe từ cây chè dây bằng công nghệ chiết xuất - cô đặc tuần hoàn chân không”	Công ty Trách nhiệm hữu hạn LAVA	- Nghiên cứu, hoàn thiện quy trình sản xuất trà chè dây hoà tan: + Bộ tiêu chuẩn nguyên liệu đầu vào và quy trình sơ chế nguyên liệu. + Quy trình chiết xuất chân không chè	Nguồn sự nghiệp KH&CN tỉnh: 611.000.000 đồng (Bằng chữ: Sáu trăm, mười một triệu đồng chẵn).

			dây. + Quy trình sấy dịch chiết chè dây bằng phương pháp sấy chân không. + Quy trình nghiền, phối trộn, bảo quản sản phẩm. - Kiểm nghiệm đánh giá các hoạt chất chính trong sản phẩm. - Đăng ký thực phẩm bảo vệ sức khỏe cho sản phẩm. - Sản xuất thử nghiệm 5000 hộp sản phẩm bảo vệ sức khỏe chè dây hòa tan với cách thức đóng hộp là (20 gói x 5 gam)/hộp. - Quảng bá sản phẩm tại các hội chợ thương mại.	
3.9	Nghiên cứu quy trình, sản xuất thử nghiệm trà gừng hòa tan từ củ gừng tươi bằng công nghệ sấy tiên tiến.	Trung tâm Nghiên cứu, Chuyển giao công nghệ và Đổi mới sáng tạo.	- Sản xuất thử nghiệm, hoàn thiện quy trình sản xuất bột gừng làm gia vị bằng công nghệ sấy bơm nhiệt quy mô 300 kg/mẻ. Sản xuất 02 mẻ (300kg gừng tươi/ mẻ) bột gừng làm gia vị bằng quy trình hoàn chỉnh, sản phẩm thu được khoảng 100kg sản phẩm đóng túi zipper. - Sản xuất thử nghiệm, hoàn thiện quy trình sản xuất trà gừng hòa tan từ củ gừng tươi sử dụng công nghệ sấy thăng hoa quy mô 50 kg/mẻ và công nghệ sấy nhiệt chân không quy mô 200kg/mẻ; Đánh giá so sánh chất lượng, hiệu quả kinh tế khi sử dụng công nghệ sấy thăng hoa và công nghệ sấy nhiệt chân không - Nghiên cứu, sản xuất thử nghiệm và	Nguồn sự nghiệp KH&CN tỉnh: 381.000.000 đồng (Bằng chữ: Ba trăm tám mươi một triệu đồng chẵn). Bao gồm: - Kinh phí khoán: 239.365.800 đồng (Bằng chữ: Hai trăm ba mươi chín triệu, ba trăm sáu mươi lăm nghìn, tám trăm đồng) - Kinh phí không giao khoán: 141.634.200 đồng (Bằng chữ: Một trăm bốn mươi một triệu, sáu trăm ba mươi bốn nghìn, hai trăm đồng).

			hoàn thiện quy trình hoàn xuất bột trà gừng chanh sả hòa tan sử dụng công nghệ sấy tiên tiến. Sản phẩm dự kiến thu được 100kg, đóng túi zipper.	
4.0	Nghiên cứu, xây dựng quy trình sản xuất sản phẩm Thực phẩm bảo vệ sức khỏe cao khô tía tô hòa tan bằng công nghệ chiết xuất cô đặc tuần hoàn chân không và sấy chân không”.	Trung tâm Nghiên cứu, Chuyển giao công nghệ và Đổi mới sáng tạo.	Xây dựng được quy trình sản xuất sản phẩm cao khô tía tô hòa tan bằng công nghệ chiết xuất cô đặc tuần hoàn chân không và sấy chân không với sản phẩm đảm bảo chất lượng và các tiêu chí về Vệ sinh an toàn thực phẩm. Cụ thể: - Bộ quy trình sản xuất sản phẩm cao khô hòa tan từ lá Tía tô - Định lượng hàm lượng acid rosmarini trong sản phẩm sau khi hoàn thiện. - Nghiên cứu, thử nghiệm quy trình sản xuất cao tía tô hòa tan: 10 mẻ (30 kg/mẻ); sản xuất thử nghiệm 04 mẻ (600kg nguyên liệu/mẻ) cao khô hòa tan từ Tía tô. - Xây dựng bộ Tiêu chuẩn cơ sở và bộ hồ sơ đăng ký thực phẩm cho sản phẩm. - Sản xuất thử nghiệm 10.000 hộp sản phẩm tía tô hòa tan.	Kinh phí: 797.000.000 đồng. - Từ ngân sách nhà nước: 397.791.982. Từ nguồn ngoài ngân sách nhà nước: 399.208.018
3	Dự án duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa cơ sở vật chất – kỹ thuật và trang thiết bị phục vụ hoạt động KH&CN			Đánh giá tình hình thực hiện, số kinh phí và nguồn (trong đó ghi rõ nguồn vốn từ ngân sách trung ương; của bộ, ngành, địa phương; từ doanh nghiệp, tập đoàn, tổng công ty, Quỹ PTKHCN của doanh nghiệp và các nguồn khác).

UBND TỈNH QUẢNG TRỊ**Phụ lục 2**
Biểu 2-2**KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KHCN&ĐMST NỔI BẬT**
GIAI ĐOẠN 2021 - 2025

STT	Tên sản phẩm/ công trình/công nghệ	Xuất xứ (Ghi rõ xuất xứ của nhiệm vụ ...)	Hiệu quả kinh tế-xã hội (Giải trình chi tiết giá trị làm lợi so sánh với sản phẩm công nghệ cùng loại, ý nghĩa kinh tế xã hội, môi trường...)	Ghi chú
1	Dự án SXTN: Viên hoàn nhỏ giọt từ chiết xuất Xuyên tâm liên (<i>Andrographis paniculata</i>) và andrographolid	Đề tài cấp tỉnh	- Dự án đã xây dựng được 02 TCCS như mục tiêu đề ra. TCCS viên hoàn nhỏ giọt chứa andrographolid có các chỉ tiêu chất lượng chính tương đương với chuyên luận “andrographolid dripping pills” trong CP 2015 và TCCS viên hoàn nhỏ giọt chứa chiết xuất Xuyên tâm liên có các chỉ tiêu chất lượng tham khảo từ CP 2015 và ĐĐVN V. là công nghệ hiện đại hiện nay. - Công nghệ sử dụng để sản xuất viên hoàn nhỏ giọt chứa chiết xuất Xuyên tâm liên (<i>Andrographis paniculata</i>) và andrographolid là công nghệ hiện đại hiện nay. - Xuyên tâm liên là một dược liệu có nhiều tác dụng tốt trong điều trị. Việc nghiên cứu sản xuất với dạng bào chế mới viên hoàn nhỏ giọt sẽ làm tăng hiệu quả điều trị của xuyên tâm liên lên nhiều lần.	
2	Đề tài: “Đánh giá tình hình thoái hóa đất và đề xuất giải pháp giảm thiểu nguy cơ thoái hóa đất tại tỉnh Quảng Bình”.	Đề tài cấp tỉnh	Kết quả nghiên cứu đề tài cơ bản đã giải quyết được 3 mục tiêu đề ra: Xác định được đặc điểm tài nguyên đất và tình hình sản xuất nông nghiệp tại khu vực	

			ngiên cứu là huyện Quảng Ninh và huyện Lệ Thủy; Đánh giá được nguy cơ thoái hóa đất sản xuất nông nghiệp và thành lập bản đồ nguy cơ thoái hóa đất sản xuất nông nghiệp do xói mòn và khô hạn tại huyện Quảng Ninh và huyện Lệ Thủy tỉnh Quảng Bình và đề xuất được các giải pháp góp phần giảm thiểu nguy cơ thoái hóa đất sản xuất nông nghiệp tại huyện Quảng Ninh và huyện Lệ Thủy tỉnh Quảng Bình.	
3	Đề tài: Đánh giá tỷ lệ, yếu tố liên quan và một số biến chứng của bệnh Tiền đái tháo đường mới phát hiện ở người lớn từ 20 - 60 tuổi tại tỉnh Quảng Bình.	Đề tài cấp tỉnh	Kết quả nghiên cứu đề tài cơ bản đã giải quyết được mục tiêu và nội dung nghiên cứu đề ra, đó là: - Xác định tỷ lệ tiền đái tháo đường mới phát hiện trong cộng đồng qua xét nghiệm Glucose máu lúc đói và xét nghiệm HbA1c ở người lớn từ 20 - 60 tuổi tại tỉnh Quảng Bình. - Đánh giá một số yếu tố nguy cơ trên đối tượng được chẩn đoán tiền đái tháo đường mới phát hiện qua phỏng vấn trực tiếp đối tượng bằng bộ câu hỏi liên quan thói quen sinh hoạt, chế độ ăn, vận động thể lực, đo chỉ số nhân trắc (Vòng bụng, BMI và chỉ số mỡ cơ thể). - Xác định các biến chứng xuất hiện sớm do bệnh tiền đái tháo đường gây ra đối với người mắc bệnh qua xét nghiệm thành phần Lipid máu, chỉ số sinh xơ vữa, định lượng Creatinin máu, mức lọc cầu thận, Protein niệu, đo điện tâm đồ, siêu âm tim, chỉ số huyết áp tâm thu động mạch cổ chân/cánh tay (ABI) và bề dày lớp nội trung mạc (IMT) động mạch cảnh. - Đề xuất được 05 giải pháp nhằm cải thiện tình trạng bệnh cho đối tượng tiền đái tháo đường mới mắc cũng như hạn chế số người có nguy cơ mắc bệnh Tiền đái tháo đường trong cộng đồng dân cư	

			Quảng Bình trong thời gian tới.	
4	Dự án SXTN: Sản phẩm dinh dưỡng Sâm Bó chính sấy dẻo từ Sâm Bó chính tươi.	Đề tài cấp tỉnh	- Dự án đã hoàn thiện quy trình công nghệ sản xuất sản phẩm dinh dưỡng sâm Bó Chính sấy dẻo từ sâm Bó Chính tươi. Sản xuất thử nghiệm thành công 1.000 sản phẩm sâm sấy dẻo từ sâm Bó Chính đảm bảo đúng tiêu chuẩn theo quy trình công nghệ đề ra. Trong đó 500 sản phẩm từ sâm thái lát tươi không qua sấy bảo quản và 500 sản phẩm làm từ sâm lát đã qua sấy bảo quản. - Xây dựng thương hiệu cho sản phẩm: Thiết kế bao bì, nhãn hiệu, bộ tiêu chuẩn cơ sở về sâm Bó Chính sấy dẻo. - Xây dựng được 01 bộ hồ tự công bố và 01 bộ hồ sơ đăng ký bản công bố sản phẩm sản xuất trong nước.	
5	Đề tài: Ứng dụng công nghệ địa không gian và trí tuệ nhân tạo để quản lý nông nghiệp phục vụ cho định hướng phát triển nông nghiệp 4.0, tỉnh Quảng Bình.	Đề tài cấp tỉnh	Kết quả nhóm nghiên cứu đã biên tập và xây dựng được một bộ cơ sở dữ liệu nền chuẩn dữ liệu Geodatabase theo quy định về cơ sở dữ liệu nông nghiệp; Xây dựng được hệ thống QBSA-IoT, QBSA-Chat Bot hỗ trợ nuôi tôm tại tỉnh Quảng Bình. Đặc điểm nổi bật của hệ thống này là tính làm chủ về mặt công nghệ, giải pháp và tính an toàn bảo mật thông tin; Xây dựng được hệ thống QBSA-IoT, QBSA-Chat Bot hỗ trợ nuôi tôm là một trong những giải pháp giúp cho người nông dân hạn chế được các rủi ro trong sản xuất, nâng cao năng lực quản lý từ xa, kịp thời đưa ra các giải pháp xử lý tình huống nhanh chóng. Xây dựng hệ thống QBSA-ChatBot dựa trên Rasa trong lĩnh vực nuôi tôm tại tỉnh Quảng Bình với dữ liệu được thu thập một phần tự động trên môi trường thực tế dựa trên mạng LoRaWAN đã cho kết quả rất khả quan. Hệ thống tương tác tốt, ổn định. Mô hình hiểu ngôn ngữ tự nhiên có độ chính xác 84.6%, độ chính xác theo đánh giá của các chuyên gia là	

			89.3%.	
	Ứng dụng khoa học công nghệ sản xuất cà gai leo nguyên liệu theo tiêu chuẩn GACP tại xã Hướng Phùng”.	Đề tài cấp tỉnh	- Đơn vị chủ trì đã phối hợp với UBND xã Hướng Phùng tiến hành khảo sát và chọn được 12 hộ tham gia để xây dựng 12 mô hình trồng cà gai leo tại 03 thôn Đại Độ, Cheng, Bụt Việt với tổng diện tích 05 ha. - Nhóm thực hiện dự án đã tiến hành lấy mẫu đất, nước tại 3 thôn (Đại độ, Bụt Việt, Cheng) và gửi đi phân tích. Kết quả chất lượng đất và nước của cả 3 thôn Đại độ, Bụt Việt, Cheng đều đáp ứng yêu cầu trồng cà gai leo nguyên liệu theo tiêu chuẩn GACP. - Đơn vị chủ trì đã hợp đồng với vườn ươm cây giống, có 250.000 cây giống cà gai leo đạt tiêu chuẩn xuất vườn (cây cao 10-15 cm, có 4-6 lá thật, thân khô, cây không bị sâu bệnh) để cấp cho các hộ dân thực hiện dự án tại xã Hướng Phùng. - Biên soạn tài liệu, tổ chức 01 lớp tập huấn “Kỹ thuật trồng, chăm sóc, thu hái Cà gai leo theo tiêu chuẩn GACP” - Hướng dẫn cày đất, lên luống, lấp đặt hệ thống tưới tại 12 hộ dân thực hiện dự án thuộc xã Hướng Phùng, quy mô 05 ha và triển khai xây dựng được 12 mô hình trồng 250.000 cây cà gai leo với mật độ và khoảng cách theo quy trình kỹ thuật. - Theo dõi, đánh giá khả năng sinh trưởng, phát triển, năng suất, chất lượng của cây cà gai leo. - Cà gai leo sau khi thu hoạch tại 3 thôn Đại Độ, Bụt Việt, Cheng được sấy khô và gửi đi phân tích các chỉ tiêu. Kết quả đều đáp ứng chất lượng được liệu theo tiêu chuẩn GACP. - Hoàn thiện được quy trình kỹ thuật sản xuất cây giống; kỹ thuật trồng, chăm sóc, thu hoạch cà gai leo theo tiêu chuẩn GACP phù hợp với vùng triển khai	

			dự án.	
	Nghiên cứu nhân giống và trồng thử nghiệm cây lan Kim tuyến (<i>Anoectochilus</i> sp) tại vùng Bắc Hướng Hóa.	Đề tài cấp tỉnh	Thu thập và lấy mẫu giống lan Kim tuyến tại đèo Sa Mù để tiến hành nhân giống bằng phương pháp nuôi cấy mô tế bào thực vật nhằm bảo tồn và phát triển cây được liệu quý hiếm đang có nguy cơ bị tuyệt chủng trong tự nhiên. Xây dựng và hoàn thiện và làm chủ 03 quy trình. Sản xuất 15.000 cây giống lan Kim tuyến bằng phương pháp nuôi cấy mô. cây giống đạt chất lượng xuất vườn. 01 mô hình sản xuất thử nghiệm trồng cây lan Kim tuyến quy mô 300m ² , số lượng: 35.000 cây.	Trung tâm Nghiên cứu, Ứng dụng và Thông tin Khoa học và Công nghệ Quảng Trị, 24 tháng 28/8/2020-28/8/2022, kinh phí 542.000.000 đồng.
	Xây dựng mô hình nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao sản xuất hoa lan Hồ điệp, hoa Lily tại Quảng Trị.	Đề tài cấp bộ (Chương trình nông thôn miền núi)	07 quy trình đều được chuyển giao và tiếp nhận. Chuyển giao và tiếp nhận các quy trình công nghệ. Xây dựng các mô hình: Mô hình sản xuất cây giống lan hồ điệp Nuôi cấy mô, mô hình sản xuất hoa lan Hồ điệp trong nhà lưới hiện đại, mô hình sản xuất hoa Lily trong nhà lưới cấp 2.	36 tháng (9/2018 - 9/2021). Tổng kinh phí thực hiện là 3.500 triệu đồng. Trong đó, kinh phí từ Ngân sách nhà nước: 1,800 triệu đồng.
	Ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ xây dựng mô hình sản xuất các sản phẩm Đông trùng hạ thảo (<i>Cordyceps militaris</i>) tại tỉnh Quảng Trị.	Đề tài cấp Bộ (Chương trình nông thôn miền núi)	Kết quả: Sản xuất sản phẩm Đông trùng hạ thảo tươi. Chế biến thành các sản phẩm từ Đông trùng hạ thảo tươi; Xây dựng hoàn thiện bộ tiêu chuẩn cơ sở (TCCS) cho sản phẩm “Đông trùng hạ thảo Sa Mù”; Hỗ trợ khởi nghiệp, hướng dẫn, chuyển giao quy trình công nghệ và nhân rộng mô hình dự án cho một Doanh nghiệp.	Tổng kinh phí thực hiện: 3.500 triệu đồng. - Kinh phí hỗ trợ từ ngân sách SNKHCN Trung ương: 1.950 triệu đồng - Kinh hỗ trợ từ ngân sách địa phương: không - Kinh phí từ nguồn

				khác: 1.550 triệu đồng
	Xây dựng mô hình Xã thông minh dựa vào khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo từ cộng đồng dân cư nông thôn gắn với chuyển đổi số vùng sản xuất sản phẩm đặc thù tại tỉnh Quảng Trị.	Đề tài cấp tỉnh	Sản phẩm của dự án được triển khai xây dựng thành công mô hình thử nghiệm Xã thông minh tại địa phương, đưa ra các gợi ý định hướng quan trọng tiếp theo trong xây dựng Nông thôn mới của tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2025 – 2030 còn mang lại các yếu tố tác động về kinh tế - xã hội như sau: - Cải thiện phương thức tiếp cận thông tin của người dân và tương với chính quyền để thuận tiện cho hoạt động sản xuất kinh doanh. - Đẩy mạnh ứng dụng các dịch vụ số nông thôn, tăng cường cung cấp các dịch vụ cơ bản, hỗ trợ nhu cầu tiêu dùng, tạo ra cơ hội việc làm, tăng cường sự liên kết cộng đồng và hỗ trợ phát triển kinh tế địa phương, góp phần vào sự phát triển bền vững của khu vực nông thôn. - Thúc đẩy hoạt động sản xuất kinh doanh, tiết kiệm chi phí sản xuất, tăng năng suất, hiệu quả sản xuất và giá trị thương hiệu hàng hóa nông sản. - Ứng dụng các công nghệ mới vào sản xuất giúp người dân tiếp cận với nhiều giải pháp hữu ích để kích thích sự sáng tạo trong cộng đồng nông thôn. - Tạo sự ổn định trong xã hội bằng các giải pháp công nghệ hỗ trợ quản lý chính quyền và tương tác thông tin với người dân.	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ: 1.159 triệu đồng, trong đó: - Từ Ngân sách sự nghiệp khoa học: 659,000. - Nguồn Nông thôn mới: 500

UBND TỈNH QUẢNG TRỊ**Phụ lục 2**
*Biểu 2-3***KẾT QUẢ CỦA CHƯƠNG TRÌNH KH&CN CẤP QUỐC GIA
GIAI ĐOẠN 2021 - 2025**

STT	Tên Chương Trình/Đề án	Chỉ tiêu/Mục tiêu đề ra	Kết quả đã đạt được	Đánh giá mức độ hoàn thành (%)	Lý do
1	Ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ xây dựng mô hình ương giống và nuôi thương phẩm cá Chình hoa (<i>Anguilla marmorata</i>) đạt năng suất, hiệu quả kinh tế cao tại tỉnh Quảng Bình	Ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ xây dựng thành công mô hình ương giống và nuôi thương phẩm cá Chình hoa năng suất và hiệu quả kinh tế cao góp phần tạo việc làm, tăng thu nhập, nâng cao đời sống cho người dân đặc biệt là các hộ dân bị ảnh hưởng bởi sự cố môi trường biển tại tỉnh Quảng Bình	Dự án đã thực hiện chuyển giao và tiếp nhận thành công 03 quy trình công nghệ, Lắp đặt hệ thống thiết bị, Xây dựng 03 mô hình ứng dụng công nghệ sản xuất: Mô hình ương giống cá chình hoa, Mô hình nuôi thương phẩm trong ao đất, Mô hình nuôi thương phẩm bằng bể xi măng, Sản lượng cá chình thương phẩm đạt hơn 41 tấn. Ngày 15/12/2022, dự án đã được nghiệm thu cấp Trung ương và được Hội đồng nghiệm thu đánh giá rất cao về kết quả thực hiện dự án.	Hoàn thành 100% mục tiêu đề ra	
2	Xây dựng mô hình ứng dụng tinh giống bò nhập ngoại sản xuất bê lai hướng thịt có năng suất, chất lượng cao trên địa bàn tỉnh Quảng Bình	Ứng dụng công nghệ tạo bê lai từ sử dụng tinh giống bò nhập ngoại để nâng cao năng suất, chất lượng thịt; ứng dụng kỹ thuật nhân giống bằng thụ tinh nhân tạo, kỹ thuật chăn nuôi các giống bò lai hướng thịt chất	- Đã chuyển giao và tiếp nhận các quy trình công nghệ: Quy trình kỹ thuật thụ tinh nhân tạo bò; Quy trình kỹ thuật chăm sóc bò mẹ mang thai và chăm sóc bò lai F1; Quy trình kỹ thuật nuôi thương phẩm bò lai hướng thịt ở các giai đoạn khác nhau. - Thực hiện 3 mô hình, cụ thể: Xây dựng mô	Hoàn thành 100% mục tiêu đề ra	

STT	Tên Chương Trình/Đề án	Chỉ tiêu/Mục tiêu đề ra	Kết quả đã đạt được	Đánh giá mức độ hoàn thành (%)	Lý do
		lượng cao góp phần nâng cao tỷ lệ bò lai, từ đó góp phần giải quyết việc làm, nâng cao đời sống và thu nhập cho người dân, đẩy nhanh đề án tái cơ cấu ngành chăn nuôi theo hướng số lượng, chất lượng, giá trị qua đó thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, nhất là ở khu vực nông thôn và nông dân trên địa bàn tỉnh Quảng Bình.	hình “Ứng dụng cộng ra để sản xuất bê lai F1”; Xây dựng mô hình nuôi thương phẩm bò lai F1 quy mô trang trại tại Trung tâm Giống vật nuôi Quảng Bình; Xây dựng mô hình chăn nuôi thương phẩm bò lai F1 phân tán ở 8 huyện mỗi huyện 15 bò lai F1 Brahman trắng x lai Zebu và 15 bò lai F1 Droughtmaster x lai Zebu. - Tổ chức đào tạo được 10 kỹ thuật viên về thụ tinh nhân tạo; Tập huấn được 400 lượt người bao gồm dẫn tinh viên, thú y cơ sở và nông dân chăn nuôi bò.		
3	Ứng dụng khoa học và công nghệ xây dựng mô hình sản xuất giống, trồng và sơ chế dược liệu Kim tiền thảo (<i>Desmodium styracifolium</i> (Os) Merr) và Sâm báo (<i>Abelmoschus sagittifolius</i> (Kurz) Merr) trên vùng đất gò đồi tỉnh Quảng Bình	Ứng dụng khoa học và công nghệ xây dựng thành công mô hình sản xuất giống, trồng và sơ chế dược liệu cây Kim tiền thảo và cây Sâm báo nhằm phát triển vùng trồng dược liệu, góp phần chuyển đổi cơ cấu cây trồng, nâng cao hiệu quả kinh tế, đảm bảo thu nhập, ổn định đời sống của người dân vùng nông thôn Quảng Bình.	- Đã chuyển giao và tiếp nhận các quy trình công nghệ, cụ thể: Chuyển giao và tiếp nhận thành công 5 quy trình công nghệ: Quy trình kỹ thuật nhân giống cây Kim tiền thảo; Quy trình kỹ thuật trồng cây Kim tiền thảo; Quy trình kỹ thuật thu hoạch, sơ chế và bảo quản dược liệu Kim tiền thảo; Quy trình kỹ thuật trồng cây sâm Báo theo VietGAP; Quy trình kỹ thuật thu hoạch, sơ chế và bảo quản dược liệu Sâm báo. - Dự án đã triển khai xây dựng các mô hình: Xây dựng mô hình nhân giống cây Kim tiền thảo với quy mô 1.500m ² , 180.000 cây giống/dự án đạt tiêu chuẩn: chiều cao cây 10 - 15cm, có 5 - 7 lá; Mô hình vườn giống gốc cây Kim tiền thảo với quy mô 1.000m ² ; Mô hình trồng, chăm sóc, thu	Hoàn thành 100% mục tiêu đề ra	

STT	Tên Chương Trình/Đề án	Chỉ tiêu/Mục tiêu đề ra	Kết quả đã đạt được	Đánh giá mức độ hoàn thành (%)	Lý do
			hoạch sơ chế cây Kim tiền thảo: quy mô 4ha, năng suất 5,0 tấn/ha, sản lượng 20 tấn dược liệu khô (đạt tiêu chuẩn Dược điển Việt Nam V); Mô hình vườn giống gốc cây sâm Báo với quy mô 6.000m², thu 80kg hạt giống (đạt tiêu chuẩn Dược điển Việt Nam V). Mô hình trồng, chăm sóc, thu hoạch sơ chế cây sâm Báo: quy mô 20ha, năng suất 1,5 tấn dược liệu khô/ha, sản lượng 30 tấn dược liệu khô (đạt tiêu chuẩn Dược điển Việt Nam V). - Đào tạo 10 cán bộ kỹ thuật về kỹ thuật nhân giống, trồng và thu hoạch sơ chế dược liệu Kim tiền thảo và sâm Báo. Tập huấn cho 200 lượt người dân về trồng trọt, thu hoạch dược liệu Kim tiền thảo và Sâm báo.		
4	Ứng dụng công nghệ sản xuất chế phẩm sinh học để lên men nguyên liệu sống chứa chất bột và xơ làm thức ăn chăn nuôi giàu dinh dưỡng tại tỉnh Quảng Bình	Ứng dụng khoa học và công nghệ xây dựng mô hình sản xuất chế phẩm sinh học chứa đa enzyme và lợi khuẩn để chế biến thức ăn chăn nuôi giàu dinh dưỡng từ nguyên liệu sống chứa chất bột và xơ nhằm tận dụng nguồn nguyên liệu nông nghiệp sẵn có tại địa phương góp phần giải quyết việc làm, chuyển đổi nghề nghiệp và nâng	- Đã chuyển giao và tiếp nhận các quy trình công nghệ, cụ thể: Quy trình sản xuất chế phẩm sinh học chứa đa enzyme, nấm men và probiotic quy mô pilot (100 kg/mẻ); Quy trình sản xuất thức ăn chăn nuôi dạng lỏng (sản phẩm sau đường hóa và lên men từ bã thải chế biến tinh bột, xử lý bằng chế phẩm sinh học); Quy trình chế biến và sử dụng thức ăn chăn nuôi từ bã thải chế biến tinh bột bằng chế phẩm sinh học quy mô hộ gia đình/cụm hộ gia đình (1 tấn/mẻ). - Xây dựng 02 mô hình: Mô hình chế biến thức	Hoàn thành 100% mục tiêu đề ra	

STT	Tên Chương Trình/Đề án	Chỉ tiêu/Mục tiêu đề ra	Kết quả đã đạt được	Đánh giá mức độ hoàn thành (%)	Lý do
		cao đời sống cho người dân vùng nông thôn tỉnh Quảng Bình.	ăn chăn nuôi và sử dụng thức ăn lên men công suất 50 tấn/năm chế phẩm sinh học chứa đa enzyme và lợi khuẩn; 1.500 tấn/năm TĂCN dạng lỏng giàu dinh dưỡng và mô hình sử dụng chế phẩm sinh học chứa đa enzym và lợi khuẩn trong chế biến thức ăn, quy mô sử dụng: 500 con lợn/dự án, 100 con bò/dự án. - Đào tạo được 7 kỹ thuật viên cơ sở và tập huấn cho 300 lượt người dân.		
5	Ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ xây dựng mô hình trồng thâm canh giống cam mật Hiền Ninh và giống cam V2 theo tiêu chuẩn VietGap tại tỉnh Quảng Bình	Ứng dụng thành công các tiến bộ khoa học công nghệ xây dựng mô hình trồng thâm canh giống cam mật Hiền Ninh và cam V2 theo tiêu chuẩn VietGap chất lượng tốt, sạch bệnh tại tỉnh Quảng Bình, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao thu nhập cho người dân ở địa phương.	Đang triển khai thực hiện	Đang triển khai thực hiện	
6	Ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ xây dựng mô hình nuôi thương phẩm ốc hương (<i>Babylonia areolata</i>) đạt năng suất, hiệu quả kinh tế cao tại tỉnh	Ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ xây dựng thành công mô hình nuôi thương phẩm ốc hương đạt năng suất và hiệu quả kinh tế cao, góp phần tạo việc làm, tăng thu nhập, nâng cao đời sống cho	1. Tiếp nhận và làm chủ 05 quy trình nuôi thương phẩm ốc hương trong ao đất lót bạt với các kỹ thuật sau: Kỹ thuật xây dựng, lắp đặt hệ thống trang thiết bị và cải tạo ao nuôi ốc hương thương phẩm; Kỹ thuật xử lý nước đầu vào ao nuôi ốc hương thương phẩm; Kỹ thuật vận chuyển ốc hương giống; Kỹ thuật chọn giống, thả giống, chăm sóc và quản lý môi trường; Kỹ thuật phòng trị bệnh cho ốc hương	Đã hoàn thành 100%	

STT	Tên Chương Trình/Đề án	Chỉ tiêu/Mục tiêu đề ra	Kết quả đã đạt được	Đánh giá mức độ hoàn thành (%)	Lý do
	Quảng Bình	người dân đặc biệt là bà con ngư dân tại các xã bãi ngang ven biển tỉnh Quảng Bình.	thương phẩm và Thu hoạch; 2. Xây dựng được mô hình nuôi ốc hương thương phẩm trên vùng cao triều: quy mô: 05 ha, cỡ ốc giống từ 25.000 - 35.000 con/kg, tỷ lệ sống >70%, năng suất 20 tấn/ha/vụ, thả 1 vụ/1 năm, sản lượng ốc hương thương phẩm đạt 100 tấn/dự án cỡ thu hoạch 130-160 con/kg, đạt tiêu chuẩn an toàn thực phẩm. 3. Đào tạo được 04 kỹ thuật viên làm chủ được quy trình công nghệ nuôi thương phẩm Ốc hương; tập huấn kỹ thuật cho 100 lượt người dân trên địa bàn nắm vững quy trình công nghệ nuôi thương phẩm Ốc hương.		
7	Ứng dụng công nghệ Biofloc xây dựng mô hình nuôi tôm thẻ (Litopenaeus vannamei) quy mô công nghiệp tại Quảng Bình	- Xây dựng thành công mô hình ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ nuôi thương phẩm tôm thẻ chân trắng ứng dụng công nghệ Biofloc, đạt năng suất, hiệu quả kinh tế cao hơn công nghệ nuôi hiện tại, phát triển nghề nuôi tôm tại tỉnh Quảng Bình.	- Đã tiếp nhận, làm chủ và chuyển giao thành công 5 quy trình kỹ thuật trọng tâm, bao gồm: thiết kế ao nuôi theo công nghệ Biofloc, cải tạo ao nuôi, tuyển chọn giống tôm thẻ chân trắng chất lượng cao, tạo lập và quản lý hệ vi sinh vật có lợi (Biofloc), cùng với quy trình chăm sóc và phòng trị bệnh không sử dụng kháng sinh. - Đã xây dựng hai mô hình nuôi thực nghiệm: trong đó, có một mô hình tập trung trên diện tích 2 ha tại xã Hải Ninh, huyện Quảng Ninh, với hệ thống ao nuôi được trang bị sục khí, ao lắng và thiết bị kiểm soát môi trường nhằm đảm bảo điều kiện sinh trưởng tối ưu cho tôm và một mô hình phân tán có quy mô tương tự cũng được hỗ	Đã nghiệm thu cấp tỉnh	

STT	Tên Chương Trình/Đề án	Chỉ tiêu/Mục tiêu đề ra	Kết quả đã đạt được	Đánh giá mức độ hoàn thành (%)	Lý do
			trợ triển khai tại hộ ông Nguyễn Văn Tiêm, cùng địa bàn. Tại mô hình tập trung, sản lượng thu hoạch đạt 55,12 tấn/vụ, năng suất dao động từ 26,24 đến 29,01 tấn/ha, tỷ lệ sống đạt từ 78 đến 80%. Lợi nhuận kinh tế ước đạt trung bình 1,57 tỷ đồng/ha/vụ. - Đã tổ chức lớp đào tạo kỹ thuật cho cán bộ và người dân địa phương, kết hợp giữa lý thuyết và thực hành trực tiếp tại mô hình, góp phần nâng cao năng lực tiếp cận công nghệ mới cho cộng đồng nuôi trồng thủy sản.		
8	Nghiên cứu cơ sở khoa học và đề xuất giải pháp sử dụng bền vững tài nguyên thiên nhiên gắn với sinh kế cộng đồng tại khu Di sản Thiên nhiên Thế giới VQG Phong Nha - Kẻ Bàng (Vườn Quốc gia).	- Làm rõ cơ sở khoa học cho đề xuất giải pháp sử dụng bền vững tài nguyên thiên nhiên gắn với sinh kế cộng đồng tại khu vườn quốc gia; - Xây dựng được các mô hình sử dụng bền vững tài nguyên thiên nhiên gắn với sinh kế cộng đồng tại khu vườn quốc gia; Nâng cao năng lực quản lý bền vững tài nguyên thiên nhiên tại địa phương.	Đề tài đã phân tích hiện trạng tài nguyên thiên nhiên, đa dạng sinh học, và các giá trị của Vườn quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng; Đánh giá tác động của các hoạt động kinh tế - xã hội đến tài nguyên thiên nhiên; Nghiên cứu các mô hình sinh kế hiện có và tiềm năng của cộng đồng địa phương và đánh giá các yếu tố ảnh hưởng đến sinh kế và bảo tồn. Kết quả nghiên cứu đã đề xuất 4 nhóm giải pháp sử dụng bền vững tài nguyên: (1) Đề xuất các mô hình kinh tế phù hợp với bảo tồn, như du lịch sinh thái, nông lâm kết hợp, trồng cây dược liệu; (2) Đề xuất các giải pháp quản lý tài nguyên thiên nhiên hiệu quả, bao gồm cả việc chia sẻ lợi ích với cộng đồng; (3) Xây dựng các chính sách hỗ trợ phát triển sinh kế bền vững cho người dân, bao gồm cả việc tạo việc làm và chuyển đổi ngành nghề; (4) Tăng cường sự	Đang triển khai thực hiện	

STT	Tên Chương Trình/Đề án	Chỉ tiêu/Mục tiêu đề ra	Kết quả đã đạt được	Đánh giá mức độ hoàn thành (%)	Lý do
			tham gia của cộng đồng vào các hoạt động bảo tồn và quản lý tài nguyên.		
9	Đề tài: Nghiên cứu xác định giá trị về địa chất, địa mạo, đa dạng sinh học phục vụ xây dựng hồ sơ Di sản Thiên nhiên thế giới xuyên biên giới (Vườn Quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng - Việt Nam và Khu bảo tồn quốc gia Hin Nậm Nô - CHDCND Lào).	- Đánh giá tổng thể về địa chất, địa mạo, đa dạng sinh học làm cơ sở để xây dựng hồ sơ Di sản Thiên nhiên thế giới xuyên biên giới. - Đề xuất hồ sơ khoa học cho việc công nhận Di sản Thiên nhiên Thế giới xuyên biên giới. Đề xuất giải pháp bảo tồn và phát triển các giá trị về địa chất, địa mạo và đa dạng sinh học của khu vực Vườn Quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng và Khu bảo tồn quốc gia Hin Nậm Nô.	Đang triển khai thực hiện	Đang triển khai thực hiện	
10	Ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ xây dựng mô hình sản xuất các sản phẩm Đông trùng hạ thảo (Cordyceps militaris) tại tỉnh Quảng Trị.	Ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ xây dựng thành công mô hình sản xuất Đông trùng hạ thảo (Cordyceps militaris) nhằm nâng cao thu nhập, tạo công ăn việc làm tại các xã vùng biên giới có điều kiện đặc biệt khó khăn của tỉnh Quảng Trị. Cụ thể - Tiếp nhận và làm chủ được các quy trình công nghệ về nhân giống, sản xuất nấm Đông trùng hạ thảo (Cordyceps militaris):	Kết quả: Sản xuất sản phẩm Đông trùng hạ thảo tươi. Chế biến thành các sản phẩm từ Đông trùng hạ thảo tươi; Xây dựng hoàn thiện bộ tiêu chuẩn cơ sở (TCCS) cho sản phẩm “Đông trùng hạ thảo Sa Mù”; Hỗ trợ khởi nghiệp, hướng dẫn, chuyển giao quy trình công nghệ và nhân rộng mô hình dự án cho một Doanh nghiệp. I. Các quy trình công nghệ đã chuyển giao 1. Quy trình kỹ thuật phân lập giống gốc nấm Đông trùng hạ thảo 2. Quy trình nhân giống nấm Đông trùng hạ thảo: - Quy trình kỹ thuật nhân giống cấp I nấm Đông trùng hạ thảo trên môi trường thạch tổng hợp	100%	

STT	Tên Chương Trình/Đề án	Chỉ tiêu/Mục tiêu đề ra	Kết quả đã đạt được	Đánh giá mức độ hoàn thành (%)	Lý do
		- Xây dựng được 01 mô hình nhân giống nấm Đông trùng hạ thảo (<i>Cordyceps militaris</i>) công suất 3.000 bình giống: sản xuất 200 ống/dự án giống nấm Đông trùng hạ thảo cấp I trên môi trường thạch; 20 lít/dự án giống cấp I dịch thể nấm Đông trùng hạ thảo có sinh khối sợi 15 - 20g/l, kích thước khuẩn lạc cầu từ 1,3 - 1,5mm, tỷ lệ nhiễm < 5%; 150 lít/dự án giống cấp II dịch thể nấm Đông trùng hạ thảo có sinh khối sợi 20 - 25g/l, kích thước khuẩn lạc cầu từ 1,5 - 2,0mm, tỷ lệ nhiễm < 10%. - Xây dựng được 01 mô hình nuôi trồng nấm Đông trùng hạ thảo (<i>Cordyceps militaris</i>): sản xuất 90.000 lọ/dự án trên môi trường tổng hợp; 1.500 lọ/dự án trên ký chủ nhộng tằm; sản lượng 900kg/dự án nấm Đông trùng hạ thảo tươi đạt tiêu chuẩn quốc gia về nấm tươi TCVN 5322-91 và hàm lượng adenosine $\geq 0,06\text{mg/g}$, hàm lượng cordycepine $\geq 0,5\text{mg/g}$. - Đào tạo 04 kỹ thuật viên và tập huấn 50 lượt người tham gia về kỹ	- Quy trình kỹ thuật nhân giống cấp I dịch thể nấm Đông trùng hạ thảo - Quy trình kỹ thuật nhân giống cấp II dịch thể nấm Đông trùng hạ thảo 3. Quy trình kỹ thuật nuôi trồng nấm Đông trùng hạ thảo trên môi trường tổng hợp 4. Quy trình kỹ thuật nuôi trồng nấm Đông trùng hạ thảo trên ký chủ nhộng tằm II. Sản phẩm mô hình 1. Mô hình nhân giống nấm Đông trùng hạ thảo 2. Mô hình nuôi trồng nấm Đông trùng hạ thảo		

STT	Tên Chương Trình/Đề án	Chỉ tiêu/Mục tiêu đề ra	Kết quả đã đạt được	Đánh giá mức độ hoàn thành (%)	Lý do
		thuật nuôi trồng nấm Đông trùng hạ thảo (<i>Cordyceps militaris</i>).			
11	Nghiên cứu hoàn thiện quy trình sản xuất và sử dụng chế phẩm sinh học đa chức năng nhằm cải tạo đất gò đồi và đất bạc màu tại tỉnh Quảng Trị.	Sản xuất chế phẩm sinh học đa chức năng cải tạo đất gò đồi và đất bạc màu tại tỉnh Quảng Trị. Ứng dụng thử nghiệm trên một số cây trồng chính trên đất gò đồi và đất bạc màu. Cụ thể: (1) Hoàn thiện quy trình công nghệ sản xuất chế phẩm sinh học đa chức năng cải tạo đất bao gồm: Quy trình nhân giống vi sinh vật để sản xuất chế phẩm sinh học đa chức năng và Quy trình lên men môi trường xốp sản xuất chế phẩm sinh học đa chức năng. (2) Tổ chức sản xuất 300 kg chế phẩm sinh học đa chức năng cải tạo đất. Từ đó xây dựng mô hình sử dụng chế phẩm sinh học đa chức năng cải tạo đất cho một số cây trồng chính trên đất gò đồi và đất bạc màu tại các huyện Gio Linh, Cam Lộ. (3) Chuyển giao quy trình công nghệ sản xuất chế phẩm sinh học đa chức năng cải tạo đất và quy trình sử dụng chế phẩm sinh học	300kg Chế phẩm sinh học đa chức năng cải tạo đất Đạt các tiêu chí kỹ thuật: mật độ VSV hữu ích đạt 108 CFU/g; hàm lượng hữu cơ > 20%; ẩm độ chế phẩm <20%; độ đồng đều 95%, có khả năng phân giải thuốc BVTV, cố định đạm, đối kháng VSV gây bệnh, kết tụ sinh học, chuyển hóa P khó tan, sinh tổng hợp IAA. VSV hữu ích đạt 108 CFU/g; hàm lượng hữu cơ > 20%; ẩm độ chế phẩm <20%. Quy trình công nghệ sản xuất chế phẩm sinh học đa chức năng cải tạo đất gò đồi và đất bạc màu. Mô hình 5.000m² sử dụng chế phẩm sinh học đa chức năng cải tạo đất cho cây lá vằng trên đất gò đồi tỉnh Quảng Trị. Mô hình 5.000m² sử dụng chế phẩm sinh học đa chức năng cải tạo đất cho cây lạc trên đất bạc màu tỉnh Quảng Trị. Mô hình 2.000m² sử dụng chế phẩm sinh học đa chức năng cải tạo đất cho cây ném trên đất bạc màu tỉnh Quảng Trị. Mô hình 10.000m² sử dụng chế phẩm sinh học đa chức năng cải tạo đất cho cây cam trên đất gò đồi tỉnh Quảng Trị. 02 bài báo. Đề tài sẽ nâng cao tính hợp tác chặt chẽ giữa các nhà khoa học với thực tiễn sản xuất. Tăng cường sự kết hợp giữa ba nhà: nhà nông nhà khoa học và nhà kinh	100%	

STT	Tên Chương Trình/Đề án	Chỉ tiêu/Mục tiêu đề ra	Kết quả đã đạt được	Đánh giá mức độ hoàn thành (%)	Lý do
		đa chức năng cải tạo đất cho một số cây trồng chính trên đất gò đồi và đất bạc màu cho địa phương.	doanh. Đề tài tạo công ăn việc làm cho lực lượng cán bộ kỹ thuật và công nhân còn nâng cao khả năng nghiên cứu triển khai của cán bộ khoa học của Viện. Nhờ sử dụng nguyên liệu có sẵn trong nước nên giá thành thấp, đảm bảo sức cạnh tranh. Sản phẩm tham gia bảo vệ môi trường, an toàn với con người, tạo nên năng suất lao động cho xã hội.		
12	Đăng ký bảo hộ, quản lý và phát triển chỉ dẫn địa lý cho sản phẩm cà phê Khe Sanh của tỉnh Quảng Trị	Viện Thổ nhưỡng Nông hóa	Đang triển khai dự án	Đang thực hiện	

UBND TỈNH QUẢNG TRỊ**Ph lục 2****Biểu 2-4****NHÂN LỰC VÀ TỔ CHỨC KH&CN**

Số TT	Tên tổ chức nghiên cứu & phát triển	Số giấy phép đăng ký hoạt động KH&CN/Quyết định phân loại tự chủ tài chính ¹	Nhân lực hiện có đến 30/6/2025						Kinh phí hỗ trợ chi thường xuyên từ NSNN năm 2025 (tr.đ)	Ghi chú (công lập/ ngoài công lập)
			Tổng số	Trong đó hưởng lương SNKH						
				Tổng số	Nghiên cứu viên cao cấp/Kỹ sư cao cấp	Nghiên cứu viên chính/Kỹ sư chính	Nghiên cứu viên/Kỹ sư	Trợ lý nghiên cứu/Kỹ thuật viên		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5) =(6÷9)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
I	Các đơn vị do cấp bộ, cơ quan TW, địa phương quyết định thành lập									
1	Trung tâm Nghiên cứu, Chuyển giao công nghệ và Đổi mới sáng tạo Quảng Trị	Số đăng ký: 23.02/KHCN ngày 07/11/2023	53	53	0	01	47	05	13.288,08	Công lập
2	Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quảng Trị	Số đăng ký: 23.01/KHCN ngày 26/9/2023	17	3	-	-	8	4	728,645	Công lập
3	Trung tâm Ứng dụng và Thống kê KH&CN Quảng Bình	QB-04/2024-SKHCN	29	18	0	1	16	1	5.500	Công lập
4	Trung tâm Kỹ thuật - Đo lường - Thử Nghiệm Quảng Bình	QB-01/2021-SKHCN	34	-	-	-	-	-	700	Công lập
5	TT Quan trắc Tài nguyên môi trường Quảng Bình	QB-01/07-SKHCN	48	11	-	-	11	-	4.088	Công lập

¹ Phân loại mức tự chủ tài chính thuộc 1 trong 4 loại theo Nghị định 60/2021/NĐ-CP

6	Trung tâm khuyến nông - khuyến ngư Quảng Bình	QB-03/2024-SKHCN	25	25	-	-	15	10	2.719	Công lập
7	Viện Quy hoạch xây dựng Quảng Bình	QB-02/2024-SKHCN	50	-	-	-	-	-	Tự đảm bảo chi thường xuyên	Công lập
II	Các đơn vị do cấp khác thành lập được giao cho bộ, cơ quan TW, địa phương trực tiếp quản lý									
1	TT Tư vấn Công nghệ và Môi trường Trường Sơn. <i>(Tạm dừng hoạt động)</i>	QB-02/08	-	-	-	-	-	-	Tự chủ kinh phí	Ngoài công lập
2	Trung tâm tư vấn công nghệ môi trường HPT. <i>(Tạm dừng hoạt động)</i>	QB-01/10	-	-	-	-	-	-	Tự chủ kinh phí	Ngoài công lập
3	Trung tâm tư vấn công nghệ môi trường Hoàng Nguyên - Chi nhánh công ty TNHH tổng hợp Hoàng Nguyên	QB-02/16-SKHCN	08	-	-	-	-	-	Tự chủ kinh phí	Ngoài công lập
4	Trung tâm nghiên cứu - phát triển nông lâm nghiệp và môi trường sinh thái Việt	QB-01/2020-SKHCN	05	-	-	-	-	-	Tự chủ kinh phí	Ngoài công lập
5	Trung tâm Nghiên cứu và Giáo dục đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp Việt Nam	SĐK: 01/2022/SKHCN	06	-	-	-	-	-	Tự chủ kinh phí	Ngoài công lập
6	Trung tâm nghiên cứu và phát triển Nông thôn	SĐK: 02/2025/SKHCN	05	-	-	-	-	-	Tự chủ kinh phí	Ngoài công lập
7	Chi nhánh Dưỡng sinh tỉnh Quảng Bình	QB-01/2024-SKHCN	09	-	-	-	-	-	Tự chủ kinh phí	Ngoài công lập
8	Văn phòng đại diện	QB-02/2018-	07	-	-	-	-	-	Tự chủ kinh	Ngoài

	Trung tâm Bảo tồn Thiên nhiên Việt tại tỉnh Quảng Bình	SKHCN							phí	công lập
9	Trung tâm Tham vấn và trị liệu Thanh Hiệp	01/2025/SKHCN	05						Tự chủ kinh phí	Ngoài công lập
	Tổng số		202							

**KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ KHCN&ĐMST
GIAI ĐOẠN 2021 - 2025**

STT	Nội dung công việc	Đơn vị	Kết quả đạt được (số lượng)	
			Năm 2024	Giai đoạn 2021-2025
I	Số nhiệm vụ KH&CN được triển khai			
1	Lĩnh vực tự nhiên	N.vụ	8	22
2	Lĩnh vực kỹ thuật và công nghệ	N.vụ	5	47
3	Lĩnh vực nông nghiệp	N.vụ	12	90
4	Lĩnh vực y, dược	N.vụ	5	12
5	Lĩnh vực xã hội	N.vụ	9	39
6	Lĩnh vực nhân văn	N.vụ	5	126
II	Công tác đánh giá, thẩm định, giám định và chuyển giao công nghệ			
1	Thẩm định/có ý kiến về công nghệ dự án đầu tư	DA	71	255
2	Thẩm định hợp đồng chuyển giao công nghệ	HD	0	0
3	Thẩm định Quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh, quy hoạch đô thị và nông thôn	Quy hoạch	0	0
4	Chỉ định tổ chức giám định máy móc, thiết bị, dây chuyền công nghệ đã qua sử dụng	Tổ chức	0	0
5	Thẩm định kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN không sử dụng ngân sách nhà nước có tiềm ẩn yếu tố ảnh hưởng đến lợi ích quốc gia, quốc phòng, an ninh, môi trường, tính mạng, sức khỏe con người	Nhiệm vụ	0	0
III	Công tác phát triển năng lượng nguyên tử, an toàn bức xạ hạt nhân			
1	Số nguồn phóng xạ kín		11	11
-	Số nguồn phóng xạ được lắp đặt mới	Nguồn	0	0
-	Số nguồn phóng xạ đã qua sử dụng	Nguồn	11	11
2	Số thiết bị bức xạ được lắp đặt mới		21	105
-	Trong lĩnh vực Y tế	Thiết bị	21	105
-	Trong lĩnh vực Công nghiệp	Thiết bị	0	0
-	Trong An ninh, hải quan	Thiết bị	0	0
3	Hướng dẫn hồ sơ cấp phép cho các cơ sở	Cơ sở	39	257
4	Thẩm định, cấp phép hoạt động cho các cơ sở đạt tiêu chuẩn An toàn bức xạ	Giấy phép	37	255
IV	Công tác Sở hữu trí tuệ			
1	Số hồ sơ hướng dẫn các tổ chức, cá nhân xác lập và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ	Hồ sơ	195	930
2	Số đơn nộp đăng ký	Đơn	184	682
3	Số văn bằng được cấp	Văn bằng	141	488
4	Số vụ xử lý xâm phạm quyền sở hữu công	Vụ	69	151

	nghiệp			
5	Số các dự án phát triển tài sản trí tuệ được hỗ trợ	DA	8	10
6	Số sáng kiến, cải tiến được công nhận	SK	-	-
V	Công tác truyền thông, thông tin và thống kê KH&CN			
1	Bổ sung, phát triển nguồn tài liệu (tài liệu giấy, tài liệu điện tử, cơ sở dữ liệu trực tuyến, ...)	Tài liệu/biểu ghi/CSDL	Tài liệu/biểu ghi/CSDL	36 chuyên mục KH&CN
2	Ấn phẩm thông tin đã phát hành	Ấn phẩm, phút	Ấn phẩm, phút	04 Đặc san KH&CN 06 Bản tin Thông tin KH&CN 12 Bản tin Thông tin KH&CN (bản điện tử)
2.1	<i>Tạp chí/bản tin KH&CN</i>	Tạp chí/bản tin	Tạp chí/bản tin	24
2.2	<i>Phóng sự trên đài truyền hình</i>	Buổi phát	Buổi phát	1.500
2.3	<i>Các sản phẩm truyền thông trên báo in, báo điện tử và mạng xã hội</i>	Tin, bài	Tin, bài	
3	Xây dựng CSDL (CSDL mới, cập nhập biểu ghi trong CSDL, số hóa tài liệu đưa vào CSDL, ...)	CSDL/biểu ghi/trang tài liệu	CSDL/biểu ghi/trang tài liệu	
4	Thông tin về nhiệm vụ KH&CN			93
4.1	<i>Nhiệm vụ KH&CN đang tiến hành</i>	N.vụ	N.vụ	36
4.2	<i>Nhiệm vụ KH&CN đã đăng ký kết quả thực hiện</i>	N.vụ	N.vụ	89
4.3	<i>Nhiệm vụ KH&CN được ứng dụng</i>	N.vụ	N.vụ	
5	Thống kê KH&CN			02/320
5.1	<i>Số cuộc điều tra/ số phiếu thu được tương ứng</i>	<i>Số cuộc/số phiếu</i>	<i>Số cuộc/số phiếu</i>	2 (1 Báo cáo của tỉnh Quảng Trị và 01 Báo cáo của tỉnh Quảng Bình)
5.2	<i>Báo cáo thống kê ngành KH&CN</i>	<i>Báo cáo</i>		
6	Kết quả khác (nếu nổi trội)			
VI	Công tác tiêu chuẩn – đo lường – chất lượng			
1	Số phương tiện đo được kiểm định	Phương tiện	50.074	135.139
2	Số lượng Tiêu chuẩn kỹ thuật mới được áp dụng	Tiêu chuẩn		
3	Số lượng Quy chuẩn kỹ thuật mới được áp dụng	Quy chuẩn		01
4	Số đơn vị hành chính nhà nước đã công bố áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo TCVN ISO 9001:2008, ISO 9001:2015	Đơn vị	43	163

5	Số cuộc kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hóa	Cuộc	10	25
6	Số mẫu được thử nghiệm và thông báo kết quả	Mẫu		418
VII	Công tác thanh tra, kiểm tra			
1	Số cuộc thanh tra	Cuộc		113
2	Số lượt đơn vị thanh tra	Đơn vị		113
3	Số vụ vi phạm phát hiện xử lý (nếu có)	Vụ		07
4	Số tiền xử phạt (nếu có)	Trđ		
VIII	Hoạt động đổi mới công nghệ			
1	Số nhiệm vụ hỗ trợ đổi mới công nghệ cho doanh nghiệp do các bộ, tỉnh/thành phố trực thuộc TW phê duyệt	N.vụ	-	-
2	Số doanh nghiệp có hoạt động đổi mới công nghệ ²	Doanh nghiệp	-	-
3	Số doanh nghiệp có hoạt động sản xuất, kinh doanh trong năm	Doanh nghiệp	-	-
4	Số công nghệ được chuyển giao, đưa vào ứng dụng	Công nghệ	-	-
5	Số hợp đồng chuyển giao công nghệ được thực hiện	HĐ	-	-
6	Tổng giá trị hợp đồng chuyển giao công nghệ	Tr.đ	-	-
IX	Công tác sử dụng, trọng dụng cá nhân hoạt động KH&CN			
1	Bổ nhiệm đặc cách vào hạng chức danh nghiên cứu khoa học, chức danh công nghệ	Người		
2	Thăng hạng đặc cách vào hạng chức danh nghiên cứu khoa học, chức danh công nghệ	Người		
3	Kéo dài thời gian công tác	Người		
4	Trọng dụng nhà khoa học đầu ngành	Người		
5	Trọng dụng nhà khoa học trẻ tài năng	Người		
6	Trọng dụng nhà khoa học được giao chủ trì nhiệm vụ cấp quốc gia đặc biệt quan trọng	Người		
X	Công tác hỗ trợ hình thành và phát triển doanh nghiệp KH&CN			
1	Hỗ trợ và hình thành phát triển doanh nghiệp KH&CN	Doanh nghiệp	8	2
2	Thành lập cơ sở ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp KH&CN	Cơ sở	0	0

² Doanh nghiệp trong năm có một trong các hoạt động sau đây được coi là có đổi mới công nghệ:

(i). Thực hiện nghiên cứu phát triển công nghệ có kết quả được chuyển giao, đánh giá, nghiệm thu hoặc ứng dụng vào sản xuất, kinh doanh hoặc có đăng ký sở hữu trí tuệ (sáng chế, giải pháp hữu ích, kiểu dáng công nghiệp).

(ii). Có nhận chuyển giao công nghệ hoặc đầu tư, mua sắm mới hoặc nâng cấp máy móc, thiết bị hoặc thay đổi quy trình sản xuất để tạo ra sản phẩm mới, cải tiến sản phẩm hoặc sản xuất hiệu quả hơn (giảm giá thành sản xuất sản phẩm; giảm tiêu thụ năng lượng; nguyên, nhiên, vật liệu; giảm phát thải, đạt các chỉ tiêu về môi trường; ...).

(iii). Đưa vào áp dụng các hệ thống quản lý, mô hình, công cụ cải tiến năng suất và chất lượng như: ISO; HACCP; GMP (thực hành sản xuất tốt); KPI (Đo lường hiệu suất); TPM (duy trì năng suất toàn diện); TQM (quản lý chất lượng toàn diện); PMS (cải tiến năng suất toàn diện); thực hành 5S, Six Sigma, Kaizen, ...

(iv). Đạt được các tiêu chuẩn, chứng nhận chuyên ngành: VietGap, Global Gap, GMP, BRC (Tiêu chuẩn thực phẩm toàn cầu),... hoặc nâng cấp lên mức tiêu chuẩn cao hơn (ví dụ: GMP-ASEAN → GMP-WHO → PIC/S → EU-GMP) hoặc đạt được các chứng chỉ quốc tế (chứng chỉ ASTM của Mỹ; JISG3505, JIS3112 của Nhật Bản; ...).

3	Hỗ trợ cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp, các nhóm nghiên cứu mạnh được ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp KH&CN tại các cơ sở và đầu mối ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp KH&CN	Đối tượng	0	0
4	Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng cho đối tượng thành lập doanh nghiệp KH&CN	Đối tượng	0	0
5	Hỗ trợ các tổ chức khoa học và công nghệ công lập chưa chuyển đổi thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm	Đơn vị	0	0
XI	Công tác phát triển thị trường KH&CN			
1	Giá trị giao dịch mua bán các sản phẩm và dịch vụ KH&CN trên thị trường	Tr.đ	-	-
2	Tỷ trọng giao dịch mua bán tài sản trí tuệ trên giá trị giao dịch mua bán các sản phẩm và dịch vụ KH&CN	%	-	-
XII	Hỗ trợ Hệ sinh thái khởi nghiệp ĐMST quốc gia			
1	Doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo	Doanh nghiệp	15	31
2	Số lượng dự án khởi nghiệp ĐMST được hỗ trợ	Dự án	14	29
3	Số lượng doanh nghiệp khởi nghiệp ĐMST được hỗ trợ	Doanh nghiệp	09	29
4	Số lượng doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo tham gia gọi vốn được từ các nhà đầu tư mạo hiểm, thực hiện mua bán và sáp nhập/tổng giá trị	Doanh nghiệp/ tổng giá trị	04	04
5	Số lượng các tổ chức ươm tạo, hỗ trợ khởi nghiệp ĐMST	Tổ chức	07	07
6	Số vốn thu hút đầu tư cho doanh nghiệp khởi nghiệp ĐMST	Triệu đồng	0	0

VĂN BẢN VỀ KHCN&ĐMST ĐƯỢC BAN HÀNH
GIAI ĐOẠN 2021 - 2025

STT	Tên văn bản	Ngày tháng ban hành	Cơ quan ban hành		
			Bộ/Tỉnh ủy	HĐND	UBND
1.	Kế hoạch số 141/KH-TU thực hiện Kết luận số 69-KL/TW, ngày 11/01/2024 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW, ngày 01/11/2012 của BCH Trung ương Đảng “ <i>về phát triển khoa học và công nghệ phục vụ phát triển sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế</i> ” trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.	16/4/2024	X		
2.	Chương trình hành động số 144-CTHD/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết số 57- NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia	24/02/2025	X		
3.	Nghị Quyết số 36/2024/NQ-HĐND về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 163/2021/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị quy định một số chính sách hỗ trợ ứng dụng, nhân rộng các kết quả khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2022-2026	10/5/2024		X	
4.	Nghị quyết số 163/2021/NQ-HĐND Chính sách hỗ trợ ứng dụng và nhân rộng các kết quả khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2022-2026	09/12/2021		X	
5.	Kế hoạch số 97/KH-UBND về triển khai thực hiện Chiến lược phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Quảng Trị	06/5/2024			X
6.	Quyết định số 1481/QĐ-UBND về Ban hành Quy định hỗ trợ ứng dụng, nhân rộng các kết quả khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2022-2026	24/06/2024			X

7.	Kế hoạch số 190/KH-TU về Triển khai thực hiện Nghị quyết số 50/NQ-CP ngày 17/4/2020 của Chính phủ và Kế hoạch số 190-KH/TU ngày 12/8/2020 của BTV Tỉnh ủy “thực hiện Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc CMCN 4.0	17/12/2020			X
8.	Kế hoạch 3690/KH-UBND về Hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh Quảng Trị đến 2025.	14/8/2019			X
9.	Kế hoạch số 155/KH-UBND về thực hiện Chương trình phát triển tài sản trí tuệ tỉnh Quảng Trị đến năm 2030	03/8/2022			X
10.	Kế hoạch số 46/KH-UBND cải thiện và nâng cao Chỉ số PII của tỉnh Quảng Trị năm 2025 và giai đoạn 2026-2030	03/3/2025			X
11.	Quyết định số 1048/QĐ-UBND về Ban hành Chương trình phát triển thị trường khoa học và công nghệ, doanh nghiệp khoa học và công nghệ tỉnh Quảng Trị đến năm 2030	19/5/2023			X
12.	Nghị quyết số 06/2021/NQ-HĐND của HĐND tỉnh Quảng Bình quy định chính sách hỗ trợ sáng tạo khoa học và đổi mới công nghệ trên địa bàn tỉnh Quảng Bình giai đoạn 2021-2025	13/8/2021		X	
13.	Kế hoạch số 809/KH-UBND của UBND tỉnh Quảng Bình về triển khai thực hiện Chương trình Phát triển tài sản trí tuệ đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Quảng Bình	26/05/2022			X
14.	Kế hoạch số 676/KH-UBND của UBND tỉnh Quảng Bình về việc thực hiện chương trình quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất sản phẩm, hàng hóa giai đoạn 2021 - 2030 trên địa bàn tỉnh	29/4/2021			X
15.	Kế hoạch số 677/KH-UBND của UBND tỉnh Quảng Bình thực hiện Quyết định số 127/QĐ-TTg ngày 26/01/2021 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Chiến lược quốc gia về nghiên cứu, phát triển và ứng dụng Trí tuệ nhân tạo đến năm 2030	29/4/2021			X
16.	Kế hoạch số 156-KH/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Quảng Bình về	24/4/2024	X		

	thực hiện Kết luận số 69-KL/TW của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW, ngày 01/11/2012 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XI về phát triển khoa học và công nghệ phục vụ sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế				
17.	Kế hoạch số 1610/KH-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình về cải thiện và nâng cao Chỉ số đổi mới sáng tạo cấp địa phương của tỉnh Quảng Bình năm 2024 và những năm tiếp theo	28/8/2024			X
18.	Quyết định số 22/2025/QĐ-UBND của UBND tỉnh Quảng Bình phân cấp thẩm quyền hỗ trợ kinh phí đối với một số nội dung quy định tại Nghị quyết số 06/2021/NQ-HĐND ngày 13/8/2021 của HĐND tỉnh Quảng Bình quy định chính sách hỗ trợ sáng tạo khoa học và đổi mới công nghệ trên địa bàn tỉnh Quảng Bình giai đoạn 2021-2025	23/5/2025			X
19.	Quyết định số 23/2025/QĐ-UBND phân cấp thẩm quyền cấp, sửa đổi, bổ sung, gia hạn, cấp lại Giấy phép sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế; cấp Chứng chỉ nhân viên bức xạ cho người phụ trách an toàn tại cơ sở X-quang chẩn đoán trong y tế hoạt động trên địa bàn tỉnh Quảng Bình	23/5/2025			X
20.	Kế hoạch số 676/KH-UBND về thực hiện Chương trình quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa giai đoạn 2021-2030 trên địa bàn tỉnh Quảng Bình	29/4/2021			X
21.	Kế hoạch số 775/KH-UBND về nâng cao năng suất dựa trên nền tảng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo giai đoạn 2021 - 2030 trên địa bàn tỉnh Quảng Bình	14/5/2021			X
22.	Kế hoạch số 88/KH-UBND về Triển khai Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp tỉnh Quảng Trị nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa dựa trên nền tảng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo giai đoạn 2021-2030	10/5/2022			X

23.	Quyết định số 1591/QĐ-UBND về việc ban hành Quy chế quản lý và sử dụng Chỉ dẫn địa lý “Chè vằng Quảng Trị”.	17/6/2022			X
24.	Kế hoạch số 186-KH/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện Chỉ thị 38-CT/TW ngày 30/7/2024 của Ban Bí thư về đẩy mạnh công tác tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng quốc gia đến năm 2030 và những năm tiếp theo	07/11/2024	X		

UBND TỈNH QUẢNG TRỊ**Phụ lục 2**
*Biểu 2-7***KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC QUỸ QUỐC GIA VỀ KH&CN
VÀ QUỸ PHÁT TRIỂN KH&CN ĐỊA PHƯƠNG GIAI ĐOẠN 2021 - 2025**

Quyết định thành lập <i>(số, ngày tháng năm)</i>	Vốn điều lệ <i>(Triệu đồng)</i>	Hoạt động tài trợ, cho vay, bảo lãnh vốn vay,		Giải ngân <i>(Triệu đồng)</i>	Ghi chú
		Nội dung	Tổng kinh phí <i>(Triệu đồng)</i>		
Giai đoạn 2021-2025					
2838/QĐ- UBND ngày 07/11/2016	2.900	Tài trợ			
		Cho vay	2.300	2.300	
		Bảo lãnh vốn vay			